

# THÀNH DUY THỨC LUẬN CHUỖNG TRUNG XU YẾU

QUYỂN HẠ  
(PHẦN 2)

## QUYỂN 7

Y đối với tâm tứ có nhiễm và lìa nhiễm, lập ba Địa riêng biệt. Chẳng y chủng tử hiện hành kia khởi có không, nghĩa là Du-già Thích Lược có ba giải thích, nghĩa là có ba Địa căn cứ hai tương ứng trước sau kiến lập, nghĩa là cõi Dục địa và Sơ tĩnh lự thô tâm, tâm sở, trước sau tương tục có thể có tâm tứ cùng tương ứng, gọi là Hữu tâm hữu tứ địa. Thô tâm, tâm sở khoảng giữa tĩnh lự trước sau tương tục, định không có tâm, chỉ có thể có tứ cùng tương ứng, gọi là Vô tâm duy tứ địa. Thứ hai, các tâm tâm sở của các Địa từ Tĩnh lự trở lên, trước sau tương tục quyết định chẳng cùng tâm tứ tương ứng, gọi là Vô tâm vô tứ địa. Nếu cõi Dục địa và Sơ tĩnh lự, tế tâm tâm sở khoảng giữa tĩnh lự chẳng cùng tâm tứ cùng tương ứng là, tất cả sắc chẳng tương ứng hành, các pháp Vô vi chẳng cùng tâm tứ cùng tương ứng, cũng đều gọi là Vô tâm vô tứ địa, nên luận sau ghi: “Hữu tâm hữu tứ địa, Vô tâm duy tứ địa, thuần là có tâm địa, không có tâm thù miên, không có tâm muộn tuyệt, vô tướng định, vô tướng sinh, diệt tận định, và vô dư y Niết-bàn giới, đều gọi là Vô tâm địa. Có nghĩa ba loại này căn cứ hai lìa dục phần nương kiến lập, nghĩa là cõi Dục địa, và Sơ tĩnh lự, các pháp giả là đối với tâm và tứ đều chưa lìa dục, gọi là Hữu tâm hữu tứ địa. Các pháp giả khoảng giữa tĩnh lự là tâm đã lìa dục, tứ chưa lìa dục, gọi là Vô tâm duy tứ địa.

Thứ hai, các pháp giả của các Địa từ Tĩnh lự trở lên là ở tâm và tứ đều đã lìa dục, gọi là Vô tâm vô tứ địa, nếu tại hạ Địa và đã lìa dục cũng được gọi là Vô tâm vô tứ địa. Nên Du-già quyển 4 ghi: “Trong đây do lìa tâm tứ dục gọi là Vô tâm vô tứ địa, chẳng do chẳng hiện hành”. Tại sao như vậy? Chưa lìa dục của cõi Dục là do giáo dẫn tác ý sai biệt,

ở một thời gian cũng có Vô tâm vô tứ ý hiện hành. Đã lia tâm tứ dục là cũng có tâm tứ hiện hành, như xuất định kia và sinh địa kia. Như thật nghĩa là ba loại này chỉ căn cứ giới địa kiến lập, nghĩa là cõi Dục địa và Sơ tính lự, các pháp Hữu lậu Vô lậu, ở trong tâm tứ chung cùng có thể được nên gọi là Địa thứ nhất. Các pháp Hữu lậu Vô lậu khoảng giữa tính lự, ở trong không có tâm chỉ có tứ nên gọi là Địa thứ hai. Tính lự thứ hai trở đi, các pháp Hữu lậu Vô lậu của các Địa, ở trong tâm tứ chung cùng không có nên gọi là Địa thứ ba. Nên Du-già quyển 4 ghi: “Trong đây, cõi Dục và Sơ tính lự, hoặc định hoặc sinh, gọi là Hữu tâm hữu tứ địa. Hoặc định hoặc sinh khoảng giữa tính lự, gọi là Vô tâm duy tứ địa”. Tính lự thứ hai trở đi, cõi Sắc cõi Vô sắc hoàn toàn gọi là Vô tâm vô tứ địa. Vô lậu, Hữu vi, Sơ tính lự định cũng gọi là Hữu tâm hữu tứ địa. Ý tâm tứ xứ pháp duyên Chân như làm cảnh vào định này, chẳng do phân biệt hiện hành, ngoài ra như trước nói. Nếu căn cứ tương ứng và lia dục kiến lập ba Địa, nhiếp pháp chẳng tận, cũng rất tạp loạn, tuy nói có tâm có tứ v.v... các Địa chỉ là có tâm. Đây căn cứ một môn thô tướng để biện Địa, ở trong môn này chỉ nói Vô tâm vô tứ địa từ Tính lự thứ hai trở lên. Vô tướng định, vô tướng sinh, diệt tận định gọi là Vô tâm địa. Ngoài ra, tất cả vị, gọi là Hữu tâm địa. Sau có bốn môn đồng dị kiến lập, phần sau sẽ giải thích. Tuy nói trong đây do lia tâm tứ dục nên gọi là Vô tâm vô tứ địa, nhưng chỉ nói các Địa từ Tính lự thứ hai trở lên hẳn định đã lia tâm tứ dục. Chẳng nói đã lia tâm tứ dục là các pháp của Địa dưới, cũng được gọi là Vô tâm vô tứ. Nếu như vậy là chưa lia tâm tứ dục của Địa dưới là các pháp của Địa trên lẽ ra cũng gọi là Hữu tâm tứ v.v... Kiến lập như vậy thành rất tạp loạn. Cho nên cả ba loại này chỉ căn cứ trên dưới của giới địa mà kiến lập. Nay quán ý đây, y nhiễm, lia nhiễm chẳng phải giải thích Hữu tâm hữu tứ, Vô tâm duy tứ địa. Chỉ giải thích Vô tâm vô tứ địa, thì văn luận đây chẳng phải tận lý, đâu thể y có nhiễm không nhiễm lập ba Địa riêng biệt. Thân tại cõi dưới thành ba Địa nhiễm nên gọi là ba Địa, đã tùy chỗ lia nên chẳng phải Địa kia.

Nay nên hỏi: Sự thứ ba giải thích, giới địa do đâu được thành sai biệt? Do có địa pháp thô tế khác nhau, thô tế khác nhau đó làm sao được thành, hẳn y có nhiễm trói buộc pháp riêng biệt. Vô lậu lia nhiễm y địa pháp đây cũng khác. Đã đoạn là có nhiễm chủng loại đây, nên thuộc về Địa kia. Nói có nhiễm là có hiện hành nhiễm, nên thân tại cõi dưới tuy thành ba cõi, chủng tử có nhiễm chẳng gọi là ba Địa. Nói lia nhiễm là căn cứ nghĩa sinh cõi trên tức chẳng phải hàng Địa tiền, chẳng nói đã lia nhiễm đây tức chẳng phải Địa đây vậy, chỉ nhận biết văn

chánh, chẳng đồng Du-già. Du-già chỉ y Tính lự thứ hai trở lên làm dụ, như sự thứ ba trước tổng hợp.

Lại giải thích, trong đây nói có nhiệm là có hiện hành nhiệm kia. Lìa nhiệm là tức Vô lậu v.v... tùy chỗ lìa nhiệm Địa, tức Địa của có nhiệm trước, nay lìa nên nói gọi là lìa nhiệm, tùy hai thứ có nhiệm lìa nhiệm đây có khác, địa giới pháp khác, đều ứng chỗ ứng hai thứ đều là chỗ Địa kia nhiếp. Chẳng nói có nhiệm là Địa kia lìa nhiệm tức chẳng phải, nên vẫn không ngăn ngại, chẳng đồng Du-già. Du-già chỉ nói Địa thứ ba, do đây chân trí cũng thuộc ba Địa, y tâm tứ xứ pháp duyên Chân như làm cảnh vào định đây, chẳng do phân biệt hiện hành, vì các tánh Vô lậu lìa nhiệm pháp, y tha pháp kia, vẫn còn tức Địa kia, hướng gì đã lìa nhiệm. Ba địa Hữu lậu pháp mà chẳng phải ba Địa, nên nghĩa vẫn chánh, chẳng phải như vậy thì nghĩa chẳng đúng.

Quyển 56 ghi: Hỏi: Sinh ở Định thứ hai, hoặc sinh Địa thượng, nếu có tâm có tứ, nhãn thức v.v... hiện tại trước, tại sao Địa đây Vô tâm vô tứ? Nếu chẳng hiện trước tại sao ở đó các căn có sắc mà khéo lãnh thọ cảnh giới Địa kia?

Đáp: Do có tâm có tứ chủng tử các thức, vì tùy theo Vô tâm vô tứ Tam-ma-địa, theo kia khởi rồi đây được hiện hành, cho đến rộng nói.

Ba, bảy khác nhau, nay dùng mười môn phân biệt:

1. Nêu thể.
2. Hành tướng.
3. Giải thích tên gọi
4. Phế lập.
5. Chỗ tám thức nhiếp.
6. Hữu lậu Vô lậu.
7. Chỗ ba đời duyên.
8. Cùng mười tán động mười phân biệt nhiếp nhau.
9. Đoạn vị.
10. Hỏi đáp phân biệt.

Kệ tụng gốc ngọn tâm tứ:

*“Thế, cảnh, hạnh, thấy khởi  
Sai biệt và quyết trạch  
Hành, xúc, dẫn, tương ứng  
Câu nghiệp là lưu chuyển”.*

Du-già quyển 5 nói, tâm tứ dùng bảy môn phân biệt:

1. Thế tánh.
2. Sở duyên.

3. Hành tướng.
4. Đăng khởi.
5. Sai biệt.
6. Quyết trạch.
7. Lưu chuyển.

a. Thể tánh là chẳng tầm đạt tư duy sâu làm thể tánh, nếu tầm đạt tuệ sâu làm thể tánh.

b. Sở duyên là dùng nghĩa danh, cú, văn thân làm sở duyên.

c. Hành tướng là tầm cầu hành là tầm, quán xét hành là tứ.

d. Đăng khởi là nghĩa là mở lời ngôn thuyết.

e. Sai biệt là đó là bảy phân biệt.

f. Quyết trạch là nếu tầm tứ tức phân biệt tà v.v... nếu tầm tứ đều phân biệt, có phân biệt chẳng phải tầm tứ, nghĩa là mong đạo xuất thế, ngoài ra tất cả pháp tâm và tâm sở trong ba cõi.

g. Lưu chuyển là xứ của năm đường đều là sáu vạn hỏi, như Na-lạc-ca tầm, tứ hành những gì, thuộc chỗ nào, dẫn chỗ nào, tương ứng gì, chỗ nào cầu, nghiệp nào chuyển, cho đến sơ tính lự tầm tứ là hỏi cũng vậy.

Vả lại, giải thích hành chuyển trong địa ngục, xúc chẳng phải cảnh ái, dẫn phát ở khổ, cùng ưu tương ứng, thường cầu giải thoát, nhiều tâm nghiệp chuyển, chỉ thuần thọ khổ, ngã quý cũng vậy. Bàng sinh, cõi người, ngã quý sức lớn, nhiều phần thích hành, ít phần hân hành, nhiều xúc chẳng phải ái, ít xúc cảnh ái, nhiều phần dẫn khổ, ít phần dẫn lạc, tương ứng ưu nhiều, tương ứng hỷ ít, nhiều phần cầu thoát khổ, ít phần cầu gặp lạc. Nhiều tâm nghiệp chuyển, các trời cõi Dục tầm tứ, nhiều phần hân hành, ít phần thích hành, nhiều xúc khả ái, ít xúc chẳng phải ái, nhiều dẫn lạc, ít dẫn khổ, tương ứng hỷ nhiều, tương ứng ưu ít, nhiều phần cầu gặp lạc, ít phần cầu thoát khổ. Nhiều tâm nghiệp chuyển, Sơ tính lự địa chỉ thuần hân hành, chỉ thuần xúc cảnh khả ái, chỉ thuần dẫn lạc, chỉ thuần hỷ cầu, chỉ cầu chẳng lia lạc, chẳng nhiều tâm nghiệp chuyển.

Mười lăm nghiệp bất cộng, kệ tụng ghi:

*“Phân biệt, thẩm sở duyên*

*Túy, cuồng, mộng, giác, muộn*

*Tĩnh, phát nghiệp, lìa dục*

*Thoái, đoạn, tục, sinh, tử”*.

Du-già quyển 1 nói ý thức có mười lăm thứ nghiệp Bất cộng:

1. Phân biệt sở duyên, tức bảy phân biệt.

2. Thẩm lự sở duyên, nghĩa là như lý, chẳng như lý và câu phi sở dẫn.
3. Túy.
4. Cuồng.
5. Mộng.
6. Giác.
7. Muộn.
8. Tỉnh.
9. Năng phát thân ngữ nghiệp.
10. Lìa dục.
11. Lìa dục thoái lui.
12. Đoạn thiện.
13. Nối tiếp thiện.
14. Sinh.
15. Tử.

Kinh Pháp Hoa quyển 2 ghi: “Xá-lợi-phất thưa: “Nhưng nay từ Phật nghe pháp chưa từng nghe, chưa từng có, dứt các nghi hối”. Kệ tụng kia lại ghi:

*“Ta đã được lậu tận  
Nghe cũng trừ ưu não”.*

Nghi hối tức ố tác, tức là nhằm chán, tuệ chung cùng không tham, nghi tức sự nghi, nghi chẳng làm Phật. Ưu tức là hối, vì hối ác trước, hối tức là nghi.

Trong đây, chánh tư duy nếu thể là tầm thông Vô lậu thì tại sao quyển 57 nói năm căn trong hai mươi lăm căn chẳng nhiếp sáu pháp trong ba mươi bảy pháp, đó là ngữ, nghiệp, mạng, hỷ, an, xả, nên chánh tư duy riêng tức tuệ căn. Sự đây dùng nhân quả luận chung nên thể tức là tuệ. Sự trước đây có thể đúng, nên tầm chẳng phải Vô lậu, lấy tên tầm mà nói, như ba cõi vui thích gọi là lạc. Du-già quyển 4 ghi: “Nếu Vô lậu giới Hữu vi định sở nhiếp Sơ tính lự cũng gọi là Hữu tầm hữu tứ, y tầm tứ xứ pháp duyên Chân như làm cảnh mà vào định này, chẳng do phân biệt hiện hành”. Nên biết tầm tứ dẫn Vô lậu, trong Vô lậu dẫn hai giải thích đều được. Nếu nói tầm tứ hẳn là phân biệt, mà chẳng nhất định nói chỉ thuộc loại thứ ba nên thông Vô lậu, sao chẳng đối phân biệt, bốn câu phân biệt? Vì hỷ tương có rộng hẹp. Hối lìa dục xả là, kinh Pháp Hoa quyển 2 ghi: “Xá-lợi-phất thưa: “Con từ xưa lại trọn ngày liền đêm thường tự trách mình mà nay từ Phật nghe pháp chưa từng có, chưa từng nghe, dứt các nghi hối”. Hối là pháp nghi hối, chẳng

phải phiền não.

Quyển 56 ghi: “Thân hành có ba, nghĩa là hơi thở ra vào và thân nghiệp. Ngũ hành cũng có ba, nghĩa là tầm tứ và ngũ nghiệp. Chánh tư duy cùng ngũ làm nhân, tầm thông Vô lậu”. Quyển 57 ghi: “Năm căn chẳng nhiếp sáu ngũ, nghiệp, mạng, hỷ, an, xả trong ba mươi bảy phẩm, chẳng nói chẳng nhiếp chánh tư duy tức là tuệ”. Đây nói vì sao thông? Du-già quyển 56 ghi: “Thân hành có ba, đó là hơi thở ra vào và thân nghiệp. Ngũ hành cũng có ba, đó là tầm, tư và ngũ nghiệp. Ý hành cũng có ba, đó là thọ, tưởng và ý nghiệp”, nên Phật không có tầm tứ, thì đâu ngại ngũ chuyển, vì nghiệp chẳng phải không có. Trong Đệ tứ thiền, hai hơi thở đã không có, thân nó được trụ. Hai định xứ nên không có tầm tứ và ngũ nghiệp nên ngũ lẽ ra cũng chuyển. Biến chẳng phải biến hành, như trước đã nói, thân nghiệp chỉ nhiệm chẳng thể làm so sánh. Lại, luận nêu thân nghiệp nhiệm, luận thật cũng có thiện pháp Vô lậu, nếu không như vậy thân và ngũ của Phật làm sao được chuyển? Nên dùng nghiệp tư làm chuyển, vì thường vào Định thứ tư.

Tâm sở câu sinh, kệ tụng ghi:

*“Năm pháp năm câu khởi  
Chín pháp hẳn sáu câu  
Chín pháp hẳn mười bốn  
Hai mươi một mười lăm  
Ba pháp khởi mười sáu  
Tám pháp mười bảy câu  
Là tâm sở tương ưng  
Tuệ cần nên tư duy”.*

Du-già quyển 57 ghi: “Trong hai mươi hai căn, hỏi: Thế Tôn y căn xứ nào nói lời như vậy, viển hành và độc hành, không có thân ngữ nơi hang? Đáp: Y ý căn xứ, do ở khoảng trước thời vô thủ, duyên khắp tất cả cảnh sở tri gọi là viển hành. Các tâm tương tục mỗi mỗi chuyển vậy, vì không có chủ thể gọi là độc hành. Không sắc không kiến cũng không có đối gọi là không thân”. Y chỉ sắc nên gọi là ngữ nơi hang. Nhiếp luận quyển 4 ghi: “Dạo khắp tất cả cảnh được biết nên gọi là viển hành”, là chứng nghĩa đây. Lại nói độc hành, vì không có thứ hai. Nói không có thân là khônôcs hình chất. Ngữ nơi hang là ở bên trong. Nói điều phục là ở trong tâm như vậy tạo tác tự tại, khó điều phục tâm là tánh ngang bướng.

Thượng tọa bộ xét có Trung hữu, không có vì sao được nói Trung hữu hẳn khởi nhuận sinh phiền não? Gốc kế chấp không có Trung hữu,

ngọn kế chấp có. Từ đây trở xuống, lý văn xem trong Duy thức.

Vô tướng Dị thực, oai nghi trừ hành, không có ở trong nhân, hành nhập vào định vì quả khó khởi. Hòa với chỗ lập Duy thức trên, tỷ lượng là chân nên cực thành sắc, chẳng lìa nơi nhãn thức. Tự thừa nhận nó thuộc về thứ nhất và thứ ba vì nhãn không nhiếp, giống như nhãn thức, thuận với sư Cảnh quyết định trái nhau nghĩa là chân nên cực thành sắc, định lìa nơi nhãn thức, tự thừa nhận nó thuộc về thứ nhất và thứ ba vì nhãn thức không nhiếp, giống như nhãn căn. Đây như phần Sao giải của sư Cảnh, như biên thủ của sư Dụ.

Trong tha tâm trí, nên thuật sư An Tuệ giải thích văn của Nhị Thập Duy thức. Du-già quyển 89 nói thọ có tám loại. Thứ nhất và thứ hai thuộc trong ngoài, sáu loại sau tức sáu chỗ sáu pháp kiến lập, do đó xét luận thứ ba ở trước đã chú giải. Nhưng, bất hoàn là sức đối trị mạnh chánh nhuận sinh vị chẳng khởi phiền não v.v... là ở trong có năm vạn hỏi, lấy vạn hỏi thứ năm ở sau làm vạn hỏi thứ nhất, hỏi thứ hai làm thứ hai, hỏi thứ nhất làm thứ ba, ngoài ta như thứ tự.

1. Hỏi: Như quyển 59 ghi: Kiến đế chỉ dùng Tùy miên nhuận, mới đầu Thánh cũng dùng hiện hành nhuận, đã nói Dị sinh hiện hành chủng tử nhuận, Dị sinh lẽ ra chỉ có chủng tử nhuận ư? Đáp: Thánh nhiều bậc giảng nhuận có hiện hành, Dị sinh loại v.v... không chỉ có chủng tử, lẽ ra Thánh sinh Địa khác chỉ có chủng tử nhuận sinh, nếu sinh tự Địa là do hiện hành nhuận, Dị sinh lẽ ra cũng như vậy. Nếu sinh tự Địa chưa có Đối trị đạo nên có thể dùng hiện hành, sinh Địa khác nên chỉ có chủng tử nhuận. Nay giải thích chẳng như vậy. Vô lậu đạo tròn đầy, thế lực mạnh hơn phiền não, Vô lậu đạo thiếu, hoặc hiện bèn mạnh, chẳng đồng dị sinh, nên chẳng làm so sánh.

2. Hỏi: Thánh quả thứ nhất và thứ hai sinh tự Địa thì nhuận có cả hiện hành. Bất hoàn sinh tự xứ, theo nghĩa lẽ ra hiện hành nhuận chẳng? Đáp: Đây có thể vậy, vì căn cứ quả thứ nhất và thứ hai, như xứ xứ Bất hoàn v.v... luận lược chẳng nói. Lại, lý chẳng như vậy. Quả vị thứ nhất và thứ hai chưa có đạo viên mãn, có thể dùng hiện hành nhuận. Quả thứ ba đã có đạo viên mãn, giả sử sinh tự Địa cũng chỉ có chủng tử nhuận. Luận chẳng nói do hiện hành nhuận, chỉ trong quả vị thứ nhất và thứ hai nói dùng hiện hành.

3. Hỏi: Tại sao Dị sinh nhuận thì hiện hành chủng tử đồng thời nhuận. Thánh nhân chỉ có chủng tử, chủng tử mạnh hơn chẳng? Đáp: Thánh nghiệp quyết định, nghiệp mạnh có thể chỉ giá chủng tử. Dị sinh nghiệp không phải như vậy nên thông cả hiện hành. Hỏi: Nếu vậy, quả

vị thứ nhất và thứ hai, nghiệp cũng đã quyết định, nên chỉ có chủng tử nhuận chăng? Đáp: Phàm sinh khổ bức bách thiện nghiệp kém cõi, ắt gá hiện hành mới có thể nhuận. Thánh sinh khổ ít thiện nghiệp ưu thắng, do đây chỉ dùng chủng tử nhuận, vì Vô lậu cũng có thể giúp Hữu lậu, chẳng đồng phàm phu. Lại phàm phu bất giác sinh nhiều ít, có thể gá phiền não, hiện hành chủng tử đều trợ nhuận. Thánh nhân biết nghiệp nhiều ít nhất định, do đây chỉ dùng chủng tử nhuận.

4. Hỏi: Chỗ sáu hành phục và chẳng phục nhuận sinh tham v.v... chỉ phục tán cảnh tham v.v... tại sao phàm phu đắc định mà chẳng nhuận sinh Địa dưới? Nghiệp đều tồn tại mới sinh Địa khác chăng? Đáp: Nhờ trợ bạn tham ái v.v... nên có thể nhuận sinh. Bạn kia đã mất, lúc yếu kém chẳng thể một mình nhuận, do đây chẳng sinh Địa dưới. Lại, phàm tạo nghiệp mới ưu thắng mà sinh lên. Thánh do nghiệp cũ mà sinh. Có chủng tử sinh Địa kia, như phàm phu tại cõi Dục đủ nghiệp của năm nẻo, tùy một nghiệp mạnh hơn mà sinh trước, nên tuy nghiệp dưới chẳng phải không có, nghiệp trên mạnh hơn nên đến trước. Nếu nghiệp trên kém, bài bác đó làm hậu báo, lùi mất định trên mà sinh tự giới cũng không có lỗi.

5. Hỏi: Tại sao chẳng thừa nhận Câu sinh ngã kiến v.v... trong sáu thức, tuy đắc thế đạo mà chẳng khéo phục, tuy đắc quả thứ ba nhưng chẳng năng đoạn cõi dưới. Đến cõi trên mới đoạn như Thức thứ bảy ư? Đáp: Vì nó chướng quả và chướng ra khỏi tự địa, chẳng đồng Thức thứ bảy vi tế chẳng chướng quả và ra khỏi tự địa.

Du-già quyển 12 nói, trong diệt định trước ở tâm đó khó tu trị, chẳng phân biệt tướng trạng các hành, khéo vào định đây, khéo ra ở định, do tu tập rất nhiều nên mắc tình mà vào ra. Lúc ra diệt định xúc hai thứ xúc: một là chẳng động, hai là vô sở hữu, ba là vô tướng. Lúc xuất định phần nhiều do ba cảnh mà ra khỏi định: một là do có cảnh, hai là do cảnh cảnh, ba là do diệt cảnh. Thứ tự như đây xúc ba thứ xúc, duyên nơi có cảnh mà lúc xuất định không có ngã mạn nhiều động tâm cho đây là ngã, cho đến kế chấp tương lai ngã sẽ có v.v... nên xúc chẳng động, xúc duyên nơi cảnh cảnh mà lúc xuất định không tham không sân, không si, nên định xúc vô sở hữu xúc, duyên nơi diệt cảnh mà lúc xuất định đối với tất cả tướng không tư duy. Duyên vô tướng giới nên nói xúc vô tướng xúc. Ý đây nói xuất định đã duyên ba cảnh, có cảnh là có làm năm uẩn, tức nương tướng phi tướng mà vào định tâm nay xuất ra. Diệt cảnh tức nương tướng diệt tận mà vào định nay xuất ra. Trên hai quá trình đó không ba phiền não, nên xúc vô sở hữu xúc gọi là duyên cảnh



cảnh. Dẫn bất định sau tùy tâm xuất kia chẳng đồng lúc vào, vì hành tướng riêng biệt. Hoặc duyên sáu trần mà xuất định gọi chung là cảnh cảnh, đây chỉ là cảnh của cảnh. Đây nói mặc tình tự tại xuất định, nếu chưa tự tại mà lúc xuất định duyên nơi cảnh giới, tuy không có văn nói nhưng không ngoài ba loại này.

Hỏi: Tại sao muộn tuyệt, thù miên cùng dẫn vô tâm? Muộn thì có thể của xúc trần, thù chẳng như vậy ư? Thù có thù tâm sở, muộn tức không ư? Lúc có tâm muộn, muộn này là gì? Do muộn xúc tăng dẫn sinh muộn vị, chẳng đồng Thù tâm sở dẫn vị sinh riêng vì không có tâm sở muộn. Thù tại sao chẳng phải xúc trần? Trần năng dẫn tâm sở tức là thù tâm sở, năng dẫn muộn xúc tức là tâm muộn do đó không có. Muộn hoặc hôn trầm không kham nhậm, hoặc muộn tức y năm Cái trên mà giả lập, như sinh Vô sắc, muộn tâm sở sinh tử tức sáu tâm sở tương ứng của bản thức.

Năm vô tâm thì ba chỉ có một cõi, đó là thù chỉ có dục, vô tướng định, sinh chỉ có sắc. Một chung cả ba cõi đó là muộn. Một chẳng phải cõi đó là diệt định. Hai chỉ có một cõi khởi đó là thù và Vô tướng thiên. Một thông hai cõi khởi đó là vô tướng định. Một thông ba cõi khởi đó là muộn. Một thông ba cõi chẳng phải cõi khởi, đó là diệt định, cũng tại Tịnh độ khởi. Hai chỉ có thiện đó là hai định. Ba chỉ có Vô ký, đó là ba thứ còn lại.

Hành tướng có hai: một là tướng ảnh tượng gọi là hành tướng. Tại sao tức tự bản cảnh? Hai là Kiến phần gọi là hành tướng, tại sao chẳng tự?

Đáp: Ảnh tượng gọi là hành tướng, tướng trạng hành giải của Kiến phần, tướng mạo hành cảnh của Kiến phần. Kiến phần gọi là hành tướng, vì hành ở trong cảnh của thể, như Vô phân biệt trí không có tướng trạng, nên tự chẳng tự. Lại, chưa hẳn tướng ảnh tượng chỉ thuần tự cảnh, vì Vô vi duyên tức chẳng phải tự.

Trong phần đáp Đăng vô gián duyên có sáu:

1. Đáp tạm tùy nghĩa khác.
2. Đáp nêu tự chánh nghĩa.
3. Đáp thức khởi không mới đầu.
4. Đáp so sánh tâm sở đồng.
5. Đáp chỉ dụ hiển pháp.
6. Đáp riêng dùng lý trưng bày.

Ba cõi duy tâm, y pháp Hữu lậu để nói rõ Duy thức. Lại nói, Sở duyên chỉ là chỗ thức hiện, y tâm sinh cảnh để rõ Duy thức. Lại nói

các pháp đều chẳng lìa tâm, đây y chẳng lìa để hiển bày Duy thức, chỉ một môn đây đủ nhiếp các pháp. Lại nói, hữu tình tùy tâm cấu tịnh, y Di thực bên trong để rõ Duy thức. Lại nói Bồ-tát thành tựu bốn trí, y tu nhân để rõ Duy thức. Lại, Già-tha nói chỗ tâm ý thức duyên v.v... cũng lấy sở duyên, gọi là Duy thức.

Trong bốn trí, thứ nhất chỉ quán cảnh, thứ hai chỉ quán trí, thứ ba quán cả tâm và cảnh. Lại, thứ nhất chỉ phá Tát-bà-đa, thứ hai chỉ phá kinh bộ tức là hai phá sau.

Trong phần vấn hỏi hiện lượng trái với tông lẽ ra nên nêu Tát-bà-đa, Chánh lượng bộ, Đại chúng bộ, lại lấy tâm hữu tình khác làm vấn hỏi. Trong giải thích lẽ ra cũng nên nêu lại.

Ánh sáng của đèn tỏa đến, trái với Đối Pháp quyển 2, phá rằng: Như ánh sáng của đèn, âm thanh chợt phát cũng vậy. Xét trong phần Sao, tỏa sáng là Tùy thuận lý môn để chóng phát nghĩa Đại thừa.

Các Di sinh cầu Phật quả là định sau cõi Sắc dẫn sinh Vô lậu, kia hẳn sinh ở cung trời Đại tự tại phía trên trời Tịnh cư, vì đặc Bồ-đề. Trong đây hỏi: Du-già quyển 4 ghi: Trong bốn Tịnh lự, Phạm thánh đồng ở trời, mỗi do ba phẩm duyên, trung, thượng huân tu nên sinh. Trời Vô tướng tức thuộc về Quảng quả, lại không có xứ riêng biệt. Lại có các Thánh trụ dừng chẳng cùng năm Tịnh cư địa, đó là Vô phiền, Vô nhiệt, Thiện hiện, Thiện kiến và Sắc cứu cánh. Do duyên, trung, thượng, thượng thắng, thượng cực phẩm tạp huân tu Tịnh lự thứ tư. Lại có vượt qua trụ xứ Đại tự tại, trời Tịnh cư. Bồ-tát Thập địa do cực huân tu nên được sinh trong đó. Nay quán nghĩa ý huân tu định v.v... mà chiêu sinh liền có bốn câu. Một câu chỉ có Hữu lậu huân, như Thức thứ tám nói xả phước mạng hành v.v... phần đoạn sinh tử và trong bốn Thiền mỗi cõi có ba xứ sinh. Luận chỉ nói huân tu, chẳng nói tạp tu, nên quyển 12 ghi: “Ngoài ra, thủ tạp tu sinh năm Tịnh cư, vì chẳng nói sinh cõi dưới”. Có cõi chỉ có Vô lậu tu, như tất cả biến dịch sinh tử. Có cõi có Hữu lậu, Vô lậu tạp tu, nghĩa là sinh năm Tịnh cư. Du-già quyển 12 ghi: “Như có một cõi đã được Hữu lậu và cùng Vô lậu bốn Tịnh lự, thời gian lâu dài tương tục vào các Tịnh lự. Hữu lậu, Vô lậu lại cùng xen tạp, cho đến Hữu lậu vô gián, Vô lậu hiện tiền, Vô lậu vô gián trở lại vào Hữu lậu, phải biết ngang bằng đây huân tu thành tựu.

Đây là ở định được tự tại, tức đặc quả Đẳng chí tự tại, tức hiện pháp lạc trụ chuyển càng sáng sạch, lại do đây nên được đạo Bất thoái đạo. Lại tịnh tu trị giải thoát thắng xứ v.v... thắng phẩm công đức, đạo của năng dẫn. Nếu có các thủ khác mà mạng chung là do nhân duyên

đây bèn vào Tịnh cư, vì chẳng nói sinh các Tịnh lự dưới, tức y sở tu này trợ giúp chỗ trước tạo nghiệp ba cõi trời dưới, khiến nó chuyển thẳng sinh năm Tịnh cư, chẳng phải nghiệp mới hiện tại khéo chiêu cảm Địa thực, vì bậc Thánh chẳng tạo nghiệp. Thứ tư đã nói cực huân tu Địa thứ mười nên Địa thứ mười sinh cõi kia, từ Địa thứ tám trở đi đã thọ biến dịch sinh, làm sao mười Địa lại huân tu sinh? Tức là Địa thứ tám đã sinh xứ ba đời dưới Định thứ tư. Nay cực độn Vô lậu thẳng nghiệp vốn do ba Địa trước cảm nghiệp nay mà được sinh. Căn cứ thật chẳng phải lại mới sinh, do nghiệp đồng Địa ở đó thọ quả xứ sang gọi là sinh, đồng địa gọi là sinh, qua địa riêng biệt nên gọi đó là vãng, chẳng trái nhau. Câu thứ tư chẳng phải hai chỗ trợ giúp mà sinh, tức tất cả Địa sinh ở cõi Dục v.v... vì cõi Sắc v.v... nghiệp định tâm trụ cảnh, gọi là Bất động, chẳng phải chẳng khác xứ thọ, nên gọi là Bất động. Đã nói Bồ-tát Thập địa chủ của bốn Thiên, ở cung trời Tự tại khởi mười thứ quả tướng, hiện tòa sen báu lớn, nên cần được sinh cõi kia, chẳng phải Địa thứ tám đã được sinh, chỉ nói Địa thứ mười cực huân tu. Lại, Bồ-tát Địa thứ tám chẳng phải chủ cõi kia, cũng chẳng phải biến dịch có sinh tử, giả sử thừa nhận sinh tử, thì cái gì là nghiệp mới sinh?

Thức thứ bảy, chẳng nói vừa khởi thì cõi nào sinh sau, vì bất định. Nếu nói cõi Sắc không hồi tâm, mới đầu chỉ khởi cõi Dục, nếu nói cõi Sắc có hồi tâm, mới đầu khởi thông cả cõi Sắc, vì định chẳng tồn tại, mới đầu khởi pháp Không, nếu bình đẳng trí, mới đầu khởi tại thân cõi Sắc.

Chúng tử Vô lậu tại thức và năm trần Vô lậu ở bên trong tức chất biến hóa. Thức thứ tám đều chẳng duyên, nghĩa là nhân có năm căn Vô lậu, làm sở y của năm thức, Thức thứ tám chẳng duyên, đây có lỗi gì? Giải thích là: năm căn thật là Thức thứ tám hẩn duyên, giải thích là chẳng cần Thức thứ tám duyên. Chúng tử, sắc v.v... chẳng cần Thức thứ tám duyên mới thành thật dụng, nên ở trong nhân không có năm căn Vô lậu. Hỏi: Sắc v.v... có thể vậy, tại sao chúng tử Thức thứ tám chẳng duyên mà thành chúng tử thật? Như pháp tương ưng và Thức thứ sáu duyên đều chẳng phải chúng tử thật, tại sao chẳng cần Thức thứ tám duyên có dụng chúng tử thật? Nghĩa này nên tư duy.

Sở duyên duyên hẩn duyên hữu, trái với quyển 52, luận kia nói duyên không sinh tâm, lẽ ra kết hợp với luận kia nói.

Năm thức hẩn có sở duyên thừa xa là đây y quán nghiệp lực giới địa kia, nếu sức của Định và thần thông biến năm trần, chẳng phải hẩn có bản chất. Như sinh cõi trên duyên Địa sắc cõi dưới, hoặc thân tại

cõi dưới khởi Thiên nhãn, Thiên nhĩ duyên Địa sắc cõi trên v.v... Lại giải thích, tâm của Dị thực duyên cảnh nổi cạn, chẳng phải cần nhờ giá bản chất. Thức Thức thứ tám là tuy duyên thân tự tha, nhưng chẳng gọi là bản chất. Năm thức trước v.v... có phân biệt nên hẳn nương tựa bản chất, lúc duyên Địa khác, tuy không có tự bản chất, có tha biến là làm bản chất. Nếu vậy, tức sáu Thức trước không lúc nào không có bản chất, vì hằng phân biệt, giải thích trước là thù thắng. Năm thức thô là hành tướng dễ biết, độn là hành tướng cạn chẳng tương tục, yếu kém là tha dẫn mới sinh, không có tự lực khởi.

Bản thức đồng đẳng là chỗ Thức thứ sáu biến, do đối chất thông tình bản, nay tùy bản mà giải thích.

Trong hai mươi hai căn, có bao nhiêu căn bị cõi Dục trói buộc?

Đáp: Bốn căn là nam nữ ưu khổ, mười lăm căn có ít phần, trừ ba Vô lậu và bốn căn trước.

Hỏi: Có bao nhiêu căn bị cõi Sắc trói buộc?

Đáp: Mười lăm căn có ít phần.

Hỏi: Có bao nhiêu căn bị cõi Vô sắc trói buộc?

Đáp: Tám căn có ít phần, ý xả mạng, tín v.v... năm thứ.

Hỏi: Có bao nhiêu căn chẳng bị trói buộc?

Đáp: Ba Vô lậu, chín căn có ít phần.

Hỏi: Có bao nhiêu căn bị cõi Dục trói buộc, cõi Dục làm nghĩa?

Đáp: Có bốn căn bị Dục và cõi Sắc trói buộc, cõi Dục trói buộc làm nghĩa. Có ba căn bị Dục và cõi Sắc trói buộc, dùng hai cõi làm nghĩa. Có hai căn bị Dục và cõi Sắc trói buộc và chẳng trói buộc, tất cả trói buộc và chẳng trói buộc làm nghĩa. Có bảy căn do ba cõi trói buộc và chẳng trói buộc, tất cả trói buộc và chẳng trói buộc làm nghĩa. Một căn do cõi Sắc trói buộc và chẳng trói buộc, tất cả làm nghĩa, hai căn chẳng trói buộc tất cả làm nghĩa.

Hỏi: Năm sắc căn có nghĩa là gì?

Đáp: Sắc v.v... năm thứ mỗi mỗi cảnh riêng.

Hỏi: Căn thứ sáu nghĩa là gì?

Đáp: Tất cả pháp giới.

Hỏi: Nam nữ căn nghĩa là gì?

Đáp: Nhân dục tương ứng tức khổ xúc nhiếp.

Hỏi: Năm thọ căn nghĩa là gì?

Đáp: Tùy thuận khổ lạc ưu hỷ xả thọ tức nghĩa sáu căn.

Hỏi: Tín căn nghĩa là gì?

Đáp: Lẽ ra được nên xả chỗ có cảnh giới. Tinh tấn căn tức ở đặc,

xả cùng chung không chỗ kiêng sợ, niệm căn ở văn, tư, tu, nhớ giữ chẳng quên.

Hỏi: Định căn nghĩa gì?

Đáp: Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

Hỏi: Tuệ căn nghĩa là gì? Chỗ biết chân thật.

Hỏi: Chưa biết Đường tri căn nghĩa là gì?

Đáp: Tu hiện quán là từ thiện pháp dục trở đi ở trong tất cả đạo phương tiện, tức nghĩa năm căn kia, tức là nghĩa năm căn đây. Đã biết căn từ quả Dự lưu cho đến Kim cương dụ định, tức là nghĩa năm căn kia và căn đây. Đủ biết căn từ khởi đầu Vô học đạo, cho đến nghĩa năm căn vào Vô dư Niết-bàn là nghĩa căn này. Theo quyển 69 và Đối Pháp quyển 9, 10, 13 đều nói rõ tu, nên rộng phân biệt. Địa trở về trước, đắc, hành cả hai tu Hữu lậu, chỉ đắc tu Vô lậu. Nếu tại Kiến đạo, đắc và hành cả hai tu Vô lậu, đắc tu Hữu lậu. Địa thứ bảy trở về trước, cả hai tu thông Hữu lậu Vô lậu. Địa thứ tám trở về sau, hai tu chung cùng Vô lậu, đắc tu Hữu lậu vì thọ làm mười vương vị. Nếu thế gian trí, xuất thế gian trí đã biện rõ tu và tu cõi trên cõi dưới, tập quen, chưa tập quen v.v... vị nào khởi chẳng khởi, tất cả đều như lý nên tư duy.

Trong ba Vô sắc không có bốn thiện căn. Chỗ Vô lậu Kiến đạo nói có là nên biết tu là Hữu lậu từng được. Đối Pháp đã biết căn, hoặc mười hoặc chín căn, ưu căn ở trong, tức thông Hữu lậu. Hữu lậu tín v.v... trong Tu đạo vị cũng là đã biết căn. Trong đây tuy trừ ưu căn, tại sao chẳng lấy Hữu lậu tín? Nếu nói vì không ưu Hữu lậu đều trừ tức chưa biết căn đã trừ ưu căn, cũng nên chẳng chọn lấy các Hữu lậu khác. Hữu lậu kia đã đều chọn lấy, đây cũng nên như vậy, mới đầu căn vui thích tâm ưu căn sâu cũng vậy. Căn Hữu lậu này yếu kém so với Vô lậu. Vô lậu đó là căn, cứ thật mà nói, Hữu lậu cũng vậy, trừ yếu kém chọn lấy ưu thắng, chỉ nói Vô lậu là căn đã biết, căn biết đủ đó nếu thành Vô học tức chung cả Hữu lậu làm căn tăng thượng, chẳng lấy Hữu lậu. Hữu lậu đó gọi là tín v.v... chẳng gọi là căn biết đủ. Căn đã biết đó lẽ ra cũng nên chuẩn cứ văn đây gọi là Vô lậu, nên Hữu lậu đó cũng trong chỗ trừ một nghĩa tăng thượng là nghĩa văn. Tại sao nghĩa tăng thượng lập căn? Vì hiển nghĩa tối thắng đối với sự kia và pháp kia, chẳng phải pháp một căn đối với tất cả pháp có nghĩa tăng thượng. Ý hiển đối với pháp sai biệt có nghĩa tối thắng, nên lập làm căn.

Hai phế lập, quyển 57, 58 giải thích phế lập chọn lấy cảnh. Thứ sáu là tiếp tục gia tộc, thứ hai là hoạt mạng, thứ nhất là thọ nghiệp quả, thứ năm là thế gian, thứ năm là xuất thế tịnh, thứ ba là y lượng đây lập

căn, năng thọ cảnh ẩn hiển, thứ tám là thời gian biên tế thọ dụng, thứ nhất là thọ cảnh phát tạp nhiễm, thứ năm là lập căn sau thanh tịnh, tâm sở y, biệt đây, trụ đây, tạp nhiễm đây, tư lương đây, tịnh đây do lượng đây lập căn.

Ba giả thật là mười sáu thật, sáu chẳng phải thật, nghĩa là nam, nữ, mạng ba Vô lậu, phần ít thân căn nam nữ, mạng căn tức ý chủng tử nên là giả có. Ba Vô lậu chín căn phần nên thành sáu giả. Bốn tâm tâm sở sắc chẳng tương ứng Vô vi phân biệt là bảy sắc gồm sắc nhãn v.v... có năm, và nam nữ, một tâm đó là ý. Ba phần ít, ba Vô lậu phần ít, mười toàn tâm sở đó là năm thọ, tín v.v... năm và ba Vô lậu căn phần ít. Một chẳng tương ứng đó là mạng căn. Tất cả Hữu vi Vô vi chẳng phải căn, năm căn có bao nhiêu thiện? Tám căn chỉ có thiện, đó là tín v.v... gồm năm, ba Vô lậu. Tám căn chỉ có Vô ký, đó là bảy sắc và mạng căn. Một căn thông thiện và bất thiện, đó là ưu căn. Năm căn thông ba tánh, đó là bốn thọ và ý. Sáu căn có bao nhiêu căn cõi Dục trói buộc? Bốn căn chỉ có dục, đó là nam, nữ, ưu, khổ. Mười lăm căn có phần ít, đó là năm sắc căn, ý, mạng, ba thọ, tín v.v... gồm năm, trừ ba Vô lậu căn, tức mười lăm căn phần ít trước cõi Sắc trói buộc, tám căn phần ít cõi Vô sắc trói buộc, đó là tín v.v... gồm năm, ý, mạng, xả, ba Vô lậu căn, chín căn có phần ít tức chẳng trói buộc. Bảy căn chưa đến, bao nhiêu căn có thể được?

Đáp: Có mười một gồm ý, hỷ, xả, tín v.v... gồm năm, ba Vô lậu, Sơ tinh lự, mười tám căn có thể được trừ ưu, khổ, nam, nữ. Định thứ hai cũng vậy. Định thứ ba gồm mười bảy căn, trừ hỷ căn. Định thứ tư gồm mười sáu căn, trừ lạc. Ba Vô sắc trước gồm mười một căn, đó là mạng, ý, xả, tín v.v... gồm năm, ba Vô lậu. Phi tướng gồm tám căn trừ ba căn Vô lậu.

-----

## QUYỂN 8

(Thấy, nghe, hiểu, biết, như Đối Pháp sao quyển 1 giải thích).

Tuy bên trong hai nhân có chẳng phải năng sinh chủng thắng hiển là, hai nhân này gọi là Khiên dẫn và Sinh khởi, vì nhuận và chưa nhuận riêng biệt đặc quả hiển, vì tương tục không đoạn. Nghĩa của mười hai nhân như Biệt chương giải thích. Quyển 66 nói rõ có nhân pháp là các nghiệp, phiền não đã tạo tác trước đây ở trong ba cõi là quả Dị thực thù thắng. Quả Dị thực này do nghiệp, phiền não dẫn phát nhân nên gọi là có nhân pháp. Đây chẳng phải dẫn phát nhân thứ sáu trong mười nhân. Dẫn phát nhân, luận chẳng nói đặc quả Dị thực. Đây là mong dị biệt nhân v.v... trong định, tùy chỗ đó ứng. Dị thực nhân là đối với mãn biệt quả giả lập tên dẫn phát nhân, vì xa cùng dẫn phát, đối với mãn quả mãn nhân mà nói.

Sáu loại trái nhau, quyển 38 ghi:

1. Ngữ ngôn trái nhau.
2. Đạo lý trái nhau.
3. Sinh khởi trái nhau.
4. Đồng xứ trái nhau.
5. Oán địch trái nhau.
6. Chương trị trái nhau.

Năm quả, như Biệt Chương giải thích. Quyển 38 ghi: “Vô ký nhiếp Sĩ dụng, tức ruộng, nước v.v...” nên biết phá riêng cũng gọi là Sĩ dụng. Nếu chẳng như vậy, Vô ký lẽ ra không có nhân này. Sáu thứ ý xứ đều nói Vô ký, đã biết tác dụng, Sĩ dụng y xứ tức ruộng nước v.v... rõ biết quả Sĩ dụng chẳng chỉ giả có được.

Vô gián diệt và cảnh giới, trong số nói hoặc ba hoặc bốn y xứ, tại sao trong hai chân kiến và tùy thuận không có Vô gián diệt? Đáp: Đủ nhiếp thọ sáu biện Vô lậu pháp. Nếu vậy, có hai Đẳng vô gián, chân kiến thủ Vô lậu trước dẫn sinh sau nên chẳng dẫn Đẳng vô gián diệt, tùy thuận phần sau dẫn phần giữa.

Nếu quả Dị thực khiên dẫn sinh khởi định dị, đồng dị, chẳng Tương vi nhân được là ở đây nói tạp nhiễm mười nhân được quả Dị thực. Nếu mười nhân pháp Vô ký, theo quyển 38 thì không được quả này. Nó kia cũng Vô ký là Tùy thuyết nhân, Quán đãi nhân, đồng sự, Bất tương vi nhân, và dùng Vô ký làm Tương vi nhân. Trong mười nhân thanh tịnh đó, hai nhân đặc quả Dị thực, đó là Nhiếp thọ nhân và Tương vi nhân. Thanh tịnh nhiếp thọ nhân nghĩa là thân gồm bậc thiện, lắng

nghe chánh pháp, như lý tác ý pháp tùy pháp hạnh, và chỗ trước làm các căn thành tựu, gọi là Nhiếp thọ nhân, tức hiển đây cùng pháp xuất thế làm Nhiếp thọ nhân, nên đắc quả Dị thực. Tương vi nhân là nếu thanh tịnh phẩm Tương vi nhân, tức là tạp nhiễm pháp nhân nên đắc quả Dị thực. Do đồng sự và tương vi đây cũng đắc Dị thực, tức Nhiếp thọ nhân. Trong luận căn cứ Tạp nhiễm nhân nên không có lỗi. Hoặc đây đều chẳng phải, vì thanh tịnh pháp nhân dùng thanh tịnh pháp làm quả, không có quả Dị thực.

Ba thứ Đẳng lưu quả thì mười nhân đều được. Sĩ dụng quả chẳng nói sinh khởi nhân v.v... đắc như quyển 2 trước ghi: “Năng huân sinh chủng tử, chủng tử khởi hiện hành, như Câu hữu nhân đắc quả Sĩ dụng”. Cuối quyển 7 ghi: “Đây sinh quả Sĩ dụng, gọi là Nhất thiết chủng”. Tại sao chẳng nói nhân duyên đắc quả Sĩ dụng? Có hai giải thích:

1. Như Tiểu thừa, chẳng phải nghĩa Đại thừa thừa nhận.

2. Như văn kia cũng đắc, trong đây căn cứ thể riêng của quả Sĩ dụng, chẳng phải tạp thể nên chẳng trái nhau.

Quả Ly hệ chỉ nhân Thanh tịnh đắc, chẳng phải hai nhân khác. Pháp Tạp nhiễm, nhân Tương vi tại sao chẳng đắc quả Ly hệ? Quyển 38 ghi: “Nghĩa là chủng tánh xuất thế gian đầy đủ, gặp Phật ra đời, giảng nói chánh pháp, thân gần bậc thiện, lắng nghe chánh pháp, như lý tác ý pháp tùy pháp hành, và cùng tất cả pháp Bồ-đề phần là pháp Tạp nhiễm, nhân Tương vi”. Do đây, chẳng nói đắc quả Ly hệ. Nhưng luận kia giải thích nhân Thanh tịnh pháp là nếu Tạp nhiễm phẩm các nhân Tương vi, phải biết tức là nhân Thanh tịnh pháp. Nên biết Tạp nhiễm, nhân Tương vi cũng đắc quả Ly hệ. Trong đây chỉ nói nhân Thanh tịnh thuận, nên lược chẳng nói. Lại cùng tạp nhiễm làm nhân Tương vi, pháp tạp nhiễm chẳng phải quả Ly hệ nên chẳng đắc.

Nhiếp luận quyển 4 ghi: “Đây lại thế nào? Nghĩa là thân, thân giả, thọ giả, thức, sở thọ thức kia, năng thọ thức kia, thế thức, số thức, xứ thức, ngôn thuyết thức”. Đây do danh ngôn huân tập chủng tử, nếu tự tha sai biệt thức. Đây do ngã kiến huân tập chủng tử, nếu thiện thú ác thú sinh tử thức. Đây do chi hữu huân tập chủng tử. Do đây, các thức do tất cả giới thú tạp nhiễm nhiếp, y tha khởi cùng hư vọng phân biệt đều được hiển hiện.

Trong ba huân tập, dùng tám môn biện rõ:

1. Nêu thể.
2. Giải thích tên gọi.
3. Phế lập, nên tư duy.



4. Ba cõi, cõi Vô sắc định quả sắc, thanh có cũng không lỗi.
5. Ba tánh.
6. Tám thức.
7. Hữu lậu Vô lậu.
8. Vị thứ.

Tại sao quyển 2 nói năng biến chỉ có Đẳng lưu và Dị thực, chẳng nói ngã chấp, trong đây nói ư?

Mười hai chi phế lập, như luận Biện Trung Biên quyển 1 ghi: “Phú chương và an lập, dẫn dắt, nhiếp, viên mãn, ba phân biệt, thọ dụng, dẫn khởi đều buộc liền vì đây là khổ và quả hiện tiền. Chỉ đây nào thể gian; ba, hai, bảy tạp nhiễm, do hư vọng phân biệt.

Luận nói chi thức đã là sở dẫn, tức hiển nghiệp chủng thuộc về nghiệp năng dẫn, như thức tức nghiệp là năng dẫn, thức chủng gọi là sắc thân, cùng ba chủng, hai chủng duyên sinh nhiếp nhau.

Hỏi: Do đâu phát nghiệp cần phải hiện vô minh, nhuận trong nghiệp vị cũng thông duy chủng?

Đáp: Hai lý đều ngang bằng. Phước dị sinh, bất động trong Bất phóng dật chỉ có chủng phát. Kinh nói chẳng phải vô minh phát, nếu chủng cũng chẳng phát, đâu thể được gọi là chẳng phải minh làm duyên, chẳng phải trái với chi hữu, có khác gì với Kiến đế? Do đây nên biết, duy chủng cũng phát.

Hỏi: Nếu vậy, tại sao sinh cõi trên, chi hành ban đầu chẳng duy chủng phát? Có hiện vô minh làm nhân thù thắng khởi mê nghĩa chân thật vì ngu hiện thấy có, chẳng đồng Bất phóng dật dị sinh.

Quyển 89 ghi: “Năng thủ, sở thủ, sở làm thủ gọi là chi thủ”. cõi Dục sinh ác thú cực trọng, thấy tướng ác rồi chẳng sinh mong cầu nghiệp cõi Dục nhẹ dẫn và hai giới trên. Sinh tử ác thú là chẳng thấy tướng ác, thấy tướng vãng sinh đồng loại, liền ngay đời này mong cầu căn ái, duyên khởi chẳng y nghĩa trước nên nói không nói cầu, gồm ái kiến trong chi hữu. Nếu chẳng như vậy, cõi trên chẳng sinh ác thú, nên không có ái, thủ. Hiện tại và vị lai đều chẳng có ái. Trong đây, chi giả quấy tha làm tự gọi là giả, chẳng quấy tha làm tự gọi là chẳng phải giả, chẳng nói trong chi tự không có thể dụng gọi là giả. Trong hành có giả gọi là tự v.v... sắc.

Thức chỉ nói một sự, trái với Du-già quyển 9, nó chọn lấy sáu thức, nên quyển 93 ghi: “Nó nương tất cả tướng tục làm luận, chẳng phải thể chi thật, vì đây nói là thật”.

Pháp nên đoạn, quyển 59 ghi: “Từ tướng ứng kia và sở duyên nên

phiền não có thể đoạn”. Tại sao như vậy? Đối trị đạo sinh phiền não, chẳng khởi được pháp vô sinh, cho nên nói đoạn tương ứng kia, tương ứng đoạn rồi chẳng duyên lại cảnh, nên từ sở duyên cũng gọi là đoạn. Nhưng quyển 65 ghi: “Do năm tướng nên kiến lập Hữu lậu: một là do sự, hai là vì Tùy miên, ba là vì Tương ứng, bốn là vì Sở duyên, năm là vì Sinh khởi.

Thế nào là pháp sự Hữu lậu? Nghĩa là sắc bên trong thanh tịnh, và sắc bên ngoài cùng y, chẳng cùng y kia, hoặc các tâm tâm sở nhiễm ô, hoặc thiện, hoặc tâm tâm sở Vô ký v.v... pháp Hữu lậu này tùy chỗ ứng đó do bốn tướng khác gọi là Hữu lậu, nghĩa là vì Tùy miên v.v... Nếu ở các sắc thanh tịnh và ở như chỗ trước nói trong tất cả tâm tâm sở, chẳng tử phiền não chưa hại chưa đoạn gọi là Tùy miên, cũng gọi là thô trọng. Nếu nó cho đến chưa được đoạn không còn thừa, nên biết tất cả do Tùy miên, nên gọi là Hữu lậu. Trong đây ý nói đối với sắc thanh tịnh nếu nhiễm thiện tâm tâm sở Vô ký v.v... do tất cả phiền não có chủng tử chưa hại chưa đoạn, gọi là Tùy miên, cũng gọi là thô trọng, nên do Tùy miên gọi là Hữu lậu. Đối với tâm sở này, nếu có tâm và tâm sở nhiễm ô, do tương ứng nên gọi là Hữu lậu, cùng nó đồng thời. Nếu các hữu sự, như chỗ hiện lượng hiện hành, như chỗ Hữu lậu sinh, chỗ tăng thượng khởi, chỗ tất cả Hữu lậu duyên như vậy, nên gọi là Hữu lậu. Trong đây, hiện tại gọi là hữu sự, quá khứ và vị lai gọi là chẳng phải hữu sự, tức trong hiện tại. Nếu nương sắc thanh tịnh, chỗ năm thức hành gọi là chỗ hiện lượng hành. Ý đây tức năm thức và chỗ chung cùng ý duyên năm trần gọi là chỗ hiện lượng hành. Nếu các chỗ hành khác, gọi là chẳng phải chỗ hiện lượng hành. Nếu các trần bên trong tăng thượng sinh khởi tất cả xứ bên ngoài thì gọi là chỗ Hữu lậu sinh chỗ tăng thượng khởi, tức biến xứ bên ngoài của Thức thứ tám v.v... Hoặc tuy chỗ hiện lượng hành, chẳng phải chỗ duyên nên thành Hữu lậu, gọi là cảnh giới tất cả định tâm v.v... Cho nên lớp thứ ba nói chỗ Hữu lậu sinh, chỗ tăng thượng khởi, chỉ ở Thức thứ năm, thứ sáu, thứ tám duyên năm trần. Chỉ những gì mà nó duyên phải biết là Hữu lậu. tại sao như vậy? Nếu duyên quá khứ và vị lai khởi các phiền não, quá khứ và vị lai chẳng phải là hữu sự, nên chẳng do chỗ duyên gọi là Hữu lậu. Nếu sự hiện tại chẳng phải chỗ hiện tại hành như sắc thanh tịnh và tất cả nhiễm ô, thiện, tâm tâm sở Vô ký, nó cũng chẳng phải phiền não sở duyên nên gọi là Hữu lậu, chỉ do chỗ tự phân biệt khởi tương mà khởi các phiền não, chẳng phải các pháp kia vì đây phân rõ cảnh sở hành. Theo đây chỉ có năm cảnh, hai trần căn bản, ảnh ở hiện tại gọi là chỗ duyên Hữu lậu, ngoài

ra tất cả đều chẳng phải. Do sinh khởi nên thành Hữu lậu nghĩa là các Tùy miên chưa vĩnh viễn đoạn, vì thuận cảnh phiền não hiện tại trước. Đối với hiện khởi kia chẳng như lý tác ý. Do nhân duyên này, tất cả hữu pháp đang sinh, đã sinh hoặc sẽ sinh, tất cả như vậy, do sinh khởi nên gọi là Hữu lậu. Lại từ tất cả bất thiện phiền não, các quả Dị thực và quả Dị thực tăng thượng dẫn sự bên ngoài sinh khởi, tất cả như thế cũng sinh khởi, nên gọi là Hữu lậu, cho đến nói rộng tướng của sinh khởi Hữu lậu. Đang sinh là lậu chung cùng, sẽ sinh là dẫn khởi, đã sinh là gián sinh, và tương ứng, sở duyên hợp có năm so sánh. Đây nói Hữu lậu tuy năm tướng sai khác, nhưng luận về đoạn môn, chánh đối trị đoạn chẳng vượt qua hai thứ. Hai thứ thân gần và thưa xa đều là sở duyên trói buộc, nên luận nói đoạn chẳng vượt qua hai thứ. Nay nói nghĩa riêng biệt thân gần và thưa xa có khác, nên có khác của chỗ hiện lượng hành v.v... Nếu chẳng như vậy thì Thức thứ bảy duyên Thức thứ tám nên chẳng gọi là tàng, năng duyên đoạn nên gọi là sở duyên đoạn, do đó chỉ nên nói như trong đây. Lại giải thích hai đoạn kia là Tùy chuyển lý môn, nay căn cứ thật nghĩa nên nói Hữu lậu có năm tướng đó. Nhưng các Hữu lậu, lược làm năm so sánh:

Thứ nhất, năm trần ngoài trời người chỉ do một sở duyên trói buộc gọi là Hữu lậu, chẳng ở bên trong nên chẳng phải lậu chung cùng.

Thứ hai, năm căn nội trần trong nẻo thiện do hai thành Hữu lậu, đó là sở duyên và lậu chung cùng, vì ở bên trong, trần bên ngoài nghiệp bất thiện của nó cũng hai: một là sở duyên; hai là lậu dẫn.

Thứ ba trừ quả ác thú, ngoài ra Vô phú, Vô ký tâm tâm sở do ba duyên:

1. Sở duyên, như Thức thứ bảy duyên Thức thứ tám v.v...
2. Lậu chung cùng.
3. Gián sinh, năm căn bốn trần bên trong ác thú cũng do ba duyên, đó là sở duyên, lậu đồng thời và lậu dẫn.

Thứ tư, thiện tâm tâm sở do bốn duyên, đó là sở duyên, lậu đồng thời, gián sinh và lậu dẫn. Quả ác thú Vô phú Vô ký tâm tâm sở đó cũng có bốn, do chỗ dẫn của Hữu lậu bất thiện.

Thứ năm, tất cả tâm tâm sở nhiễm ô do năm duyên, đó là sở duyên, lậu đồng thời, gián sinh, lậu dẫn và tương ứng.

Tương ứng, sở duyên hai trói buộc của Đại thừa khác với Tiểu thừa. Thể của lậu là phiền não và tùy. Tám thức, biến hành, biệt cảnh, bất định tánh là Vô ký, cùng mười một thiện tương ứng gọi là thiện. Tâm, tâm sở đó cùng phiền não và tùy phiền não chung cùng gọi là tâm

tâm sở nhiễm. Phiền não đó và tùy là tự tánh đoạn pháp, tương ứng với đồng thời gọi là đoạn, tức tất cả tâm tâm sở nhiễm đều tương ứng đoạn. Ngoài ra, pháp chẳng nhiễm là sở duyên đoạn. Sở duyên thưa xa thông tất cả hữu. Trong văn luận nói tự tánh đoạn, tức tâm tâm sở nhiễm. Là duyên phiền não là tức hai sở duyên thân gần và thưa xa. Tạp phiền não của nó là Câu sinh tạp, Dẫn sinh tạp, và Gián sinh tạp. Do đây nên phân biệt, Thức thứ tám năng duyên nẻo thiện có hai nghĩa: một là Sở duyên, hai là Lưu chung cùng.

Nẻo ác có ba, thêm lậu dẫn. Tướng phần hiện hành của Thức thứ tám, tùy nẻo thiện nẻo ác cũng vậy, nhưng Tướng phần các chủng tử, tùy các hiện hành phân biệt đủ nghĩa, trần bên ngoài chẳng phải vậy. Kiến phần của Thức thứ bảy có năm duyên:

1. Tương ứng.
2. Sở duyên.
3. Dẫn khởi.
4. Gián sinh.
5. Lưu chung cùng, là nhiễm ô.

Tướng phần thông hai tánh tình và bản, chỉ có sở duyên, lậu chung cùng cũng được lậu dẫn, vì ảnh tượng tại tâm, nhiễm là kiến dẫn. Kiến phần của Thức thứ sáu thông ba tánh, như trước nói ba tánh tâm tâm sở. Hai tâm oai nghi và công xảo trong Vô ký do ba thứ đó là Gián sinh, Câu sinh và Sở duyên. Trong đây, sở duyên do duyên chủng tử, hiện hành cũng gọi là sở duyên. Quá khứ và vị lai không có thể, hiện tại hẳn không có tâm nhiễm duyên nó, ngoài ra đều chuẩn cứ như đây. Tâm Dị thực do bốn thứ, là ba thứ này thêm Lưu dẫn. Nó thông quả Vô ký tâm tâm sở do hai duyên: một là Sở duyên, hai là Lưu chung cùng.

Thiện tâm, tâm sở do bốn thứ đó là Lưu chung cùng, Gián sinh, Sở dẫn và Sở duyên. Nhiễm ô do năm thứ. Trong Tướng phần, tất cả Dị giới duyên, Vô lậu duyên, Vô bản chất duyên đều gọi là Độc ảnh, chuẩn cứ năng duyên nói chỉ trừ tương ứng. Nẻo thiện có bản chất riêng duyên năm căn và năm trần bên trong do hai duyên, đó là Sở duyên và Lưu chung cùng. Quả bên ngoài nẻo ác cũng có hai, đó là Sở duyên và Lưu dẫn. Căn trần bên trong nẻo ác do hai thứ là Sở duyên và Lưu dẫn đều đồng căn môn trước. Kiến phần năm thức cũng thông ba tánh, đều đồng Thức thứ sáu. Tướng phần bên ngoài nẻo thiện chỉ sở duyên, bên trong thông cả lậu chung cùng, nẻo ác thêm Lưu dẫn. Tuy có Hữu lậu nhưng chẳng đồng như vậy, chỉ vì hai trói buộc tương ứng và sở duyên, tăng thượng đoạn tùy hai thứ, chẳng y đoạn lậu chung cùng v.v... gọi là

đoạn, như phân biệt trong Chứng thứ sáu của Thức thứ bảy.

Trong ba khổ, nếu theo tướng sinh khổ thì một và hai chỉ có dục, một khổ sau thông cả ba. Nếu căn cứ tánh thì Khổ khổ chỉ là dục vì có duyên bức bách. Hoại khổ thông cõi Sắc, vì có lạc thọ. Như trong kinh nói vào biến hoại tâm, một loại sau, thức v.v... sáu chi trong ba thọ đã là chủng tử, làm sao tương ứng? Giải thích có hai nghĩa:

1. Y vị Đương sinh mà nói.

2. Y nghĩa tùy thuận câu hữu cũng không trái, nên chủng tử gọi là Câu, vì câu là tên khác của tương ứng. Nếu vậy, y chi hữu không có Đương sinh, làm sao tương ứng? Thức v.v... năm thứ sẽ có hiện hành chủng tử gọi là tương ứng. Chi hữu oai lực từng ở trong chi hành v.v... có tương ứng. Chủng cũng gọi là tương ứng, hoặc từ vị Đương sinh của Thức v.v... mà nói.

Quyết trạch phần nói khổ v.v... thể của bốn Đế, như sở giải thích.

Trong Nhiếp sự phần nói trong mười hai phần nghịch quán, chi sinh và thức v.v... cả năm đều là Lão tử tập, tức thể của Khổ và Tập đồng. Tập có hai thứ:

1. Chiêu cảm Dị thực gọi là Tập, tức Quyết trạch nói chỉ có nghiệp và phiền não.

2. Năng sinh khổ quả gọi là Tập, là chi sinh v.v... trong phẩm Nhiếp sự.

Hai luận tuy khác nhưng chẳng trái nhau.

Hai thứ sinh tử, dùng tám môn phân biệt:

1. Nêu thể.
2. Giải thích tên gọi.
3. Biện rõ tướng chiêu cảm sinh tử sai biệt.
4. Giải thích vị thứ.
5. Giải thích đặc xứ.
6. Bốn thứ sinh tử tương nhiếp.
7. Tổng hợp ba thứ sinh tử chẳng đồng.
8. Hỏi đáp phân biệt.

Thể và tên gọi, hỏi đáp như ba môn trong luận giải thích. Đặc xứ, như quyển 7 trước nói trong Thức thứ tám sinh Vô lậu, nhưng nên cân nhắc chọn lựa các quả chẳng đồng. Vị thứ Dự lưu v.v... Sơ địa tức đặc, như Du-già, Quyết trạch, Thanh văn địa và luận Phật Địa giải thích. Ba thứ sinh tử đó chẳng đồng, như trong sở nêu dẫn kinh Lăng-già. Nhưng, vả lại kinh Thắng Man và luận đây nói ba thứ thân y ba Thừa quyết

định, kinh Lăng-già nói chỉ y Đại thừa đốn ngộ, khiếp sợ phiền não mà nói, hoặc nói chung cho bất định tánh sai biệt thắng vị, Địa tiền một kiếp cùng bản không riêng biệt, do đó chẳng nói.

Biện về tướng chiêu cảm sinh tử sai biệt, phần đoạn có hai: một là Tán, hai là Định. Trong tán có hai:

1. Như mười hai nhân duyên sinh, chỉ cõi Dục toàn vẹn. Cõi trên chỉ có ít phần, y sinh đặc thiện, đặc báo riêng biệt.

2. Y văn tứ thù thắng sinh được thiện tâm, chuyển dài phước thọ, chỗ vốn tạp khởi chỉ tại cõi Dục, tâm nhanh mạnh.

Trong định có ba:

1. Hữu lậu định nguyện chuyển phước thọ hành, chỉ cõi Dục có.

2. Sinh bốn Tĩnh lực, dưới trời Quảng quả và bốn Vô sắc, chỉ nghiệp Hữu lậu huân ba phẩm thiện sinh.

3. Sinh năm Tịnh cư.

Hữu lậu Vô lậu tạp biến dịch chỉ hai:

1. Hữu lậu tán hạnh nguyện v.v... đều vô lậu, hợp với tư lương cho nên thành nghiệp. Nghĩa là từ Địa thứ bảy trở về trước, tất cả Nhị thừa đều đã hiện hành vô minh v.v... làm tư lương của duyên.

2. Từ Địa thứ tám trở lên chỉ có tư của Vô lậu định, hiện hành trí chướng v.v... đều đã không có.

Nhiếp bốn sinh tử, kinh Vô Thượng Y ghi: “A-nan! Tất cả A-la-hán, Bích-chi-phật, Bồ-tát Thập Địa, vì bốn thứ chướng nên chứng đắc Pháp thân Như Lai; bốn đức Ba-la-mật. Bốn thứ ấy là gì? Một là sinh duyên, hai là sinh thân, ba là hữu hữu, bốn là vô hữu. Thế nào là sinh duyên hoặc? Tức là vô minh trụ địa hay sinh tất cả hành, như vô minh sinh nghiệp. Thế nào là sinh thân hoặc? Là chỗ vô minh trụ địa sinh các hành, thí như vô minh sinh ra các nghiệp. Thế nào là hữu hữu? Duyên vô minh trụ địa, nhân vô minh trụ địa khởi nên Vô lậu hành, ba thứ ý sinh thân sinh, thí như bốn thủ làm duyên, ba nghiệp Hữu lậu làm nhân, khởi ba thứ hữu. Thế nào là vô hữu? Duyên ba thứ ý sinh thân, chẳng thể hay biết vi tế đọa diệt. Thí như duyên sinh trong ba hữu, niệm niệm già chết”. Văn sau lại nói: “A-nan! Trong ba cõi có bốn thứ nạn: một là nạn phiền não hai là nạn nghiệp, ba là nạn sinh báo, bốn là nạn lỗi lầm. Vô minh trụ địa khởi ra phương tiện sinh tử, như nạn phiền não bên trong ba cõi. Vô minh trụ địa khởi nên nhân duyên sinh tử, như nạn nghiệp bên trong ba cõi. Vô minh trụ địa khởi nên hữu hữu sinh tử, như nạn sinh căn bên trong ba cõi. Vô minh trụ địa khởi nên vô hữu sinh tử, như nạn lỗi lầm bên trong ba cõi”. Hữu hữu là có ba cõi, có Dị thực thể.

Vô hữu là không có khổ khổ v.v... chỉ có tướng hành khổ. Vì Vô lậu từ sinh tử cũng gọi là nạn.

Hỏi đáp phân biệt, đã được biến đổi qua ba đại kiếp cũng có biến đổi được trăm kiếp Luân Giác chăng? Đáp: Chẳng được, vì không lấy sở tri chướng làm duyên. Nếu chỗ lưu thân Hữu lậu, chỗ định nguyện trợ giúp là thuộc về thân phần đoạn. Giả sử thừa nhận chỗ Vô lậu định nguyện trợ giúp cảm phần đoạn đó, có lỗi lầm gì mà chẳng thừa nhận? Vì cực thắng nên chẳng phải thuộc phần đoạn. Chẳng phải biến dịch là chẳng được Vô lậu giúp thân trụ lâu, vì thế lực kém.

Đối Pháp quyển 14 nói mười phân biệt, đó là: Vô tánh phân biệt, Hữu tánh phân biệt, Tăng ích phân biệt, Tồn giảm phân biệt, Một tánh phân biệt, Dị tánh phân biệt, Tự tánh phân biệt, Sai biệt phân biệt, Tùy danh nghĩa phân biệt, Tùy nghĩa danh phân biệt. Rộng như luận kia kết hợp giải thích văn kinh Bát-nhã.

Đoạn trước và sau trong Chứng ba tánh khác với ba đoạn văn nói về các xứ, như trong chương Duy thức giải thích. Tại sao lý hai Không có cạn sâu? Ngộ sinh chưa hẳn ngộ pháp. Hai tánh cạn sâu, lúc chẳng ngộ sâu hẳn chẳng ngộ cạn, cần phải đạt lý mới đạt sự ư? Đáp: Hai lý chướng riêng biệt, đoạn sinh chấp chẳng ngộ pháp Không. Hai tánh không chướng riêng biệt, lúc chẳng ngộ gốc chẳng thể ngộ việc ngọn. Chưa có trước ngộ sự mà sau ngộ tánh Không. Ngộ lý chân mới rõ sự tục, tư duy đó có thể biết.

Ba môn giải thoát không đồng với nhiếp hành của các luận, lẽ ra nên giải thích như Biệt sao.

Vô tánh vô thường, Đối Pháp v.v... nói Khổ đế vô thường hành đều có hành này. Mới đầu trừ sở chấp, kế tiếp quán y tha, cũng có thể tánh, Đế chung cùng thật. Pháp sở biến kế, chỉ nói y tha, là chỉ Luận sư Hộ Pháp, hay cũng chỉ An Tuệ? Văn hai sư đây, Luận sư Hộ Pháp thân lấy Tướng phần, Luận sư An Tuệ thì bản chất đều được. Hai giải thích đều được, hãy xem văn đó.

Nhiếp Đại thừa ghi: “Bồ-tát như vậy ngộ nhập ý ngôn tự nghĩa tướng, nên ngộ nhập Biến kế sở chấp. Ngộ nhập Duy thức nên ngộ nhập tánh Y tha khởi. Nếu đã diệt trừ ý ngôn nghe pháp huân tập chủng loại tướng của Duy thức, cho đến khi ấy Bồ-tát bình đẳng, bình đẳng trí không phân biệt đã được sinh khởi, ngộ nhập tánh Viên thành thật”. Lại nói: Danh, sự hỗ tương làm khách, tánh đó lẽ ra tầm tư, đối với hai tánh cũng phải suy tầm chỉ là lượng và chỉ là giả. Thật trí quán không có nghĩa, chỉ có phân biệt thành ba, kia không nên đây không, tức là nhập

ba tánh. Nửa bài tụng đầu ngộ nhập Biến kế sở chấp, nửa bài tụng kế ngộ nhập tánh Y tha khởi, một bài tụng sau ngộ nhập tánh Viên thành thật. Luận Thành Duy Thức ghi: “Chẳng phải chẳng thấy Chân như mà khéo rõ các hành đều như huyễn sự v.v... tuy có mà chẳng phải chân thật, ba xứ trên dưới như vậy chẳng đồng”. Văn phần đầu Nhiếp luận nói Noãn và Đảnh hai vị ngộ nhập sở chấp, Nhẫn và Pháp đệ nhất ngộ nhập Y tha, Sơ địa sơ tâm nhập Viên thành thật.

Nhiếp luận quyển 2 ghi: “Noãn, Đảnh tầm tứ ngộ nhập hai tánh đầu, bốn trí như thật ngộ nhập Viên thành”. Văn luận Thành Duy Thức nói cần phải vào Sơ địa mới ngộ ba tánh, tuy có ba văn mà nghĩa lý chỉ hai: một là thật chứng, hai là tương tợ. Trong luận Thành Duy Thức căn cứ thật thân chứng, do hai trí Vô lậu chân tục trước sau mới có thể chứng hai tánh Hậu đắc. Lúc chứng hai tánh, chẳng thấy hai thủ, tức gọi là chứng Biến kế sở chấp kia không, không có pháp, thể cũng không, trí chứng nơi nào? Tâm sở biến không có Y tha khởi nghiệp, lý Chân như không có Viên thành thật nhiếp, nên Biến kế sở chấp chẳng nói riêng chứng, chỉ ở hai tánh chẳng thấy hai thủ, có thể gọi là ngộ nhập Biến kế sở chấp. Nhưng chánh thể trí đạt không chứng lý, phần nhiều nói trí này chứng Kế sở chấp, tuy trước Kiến đạo cũng đã chẳng thấy, chưa thân gần được hai nên không gọi là Chứng không, ở Sơ địa mới gọi là chứng đắc. Nhiếp luận, văn phần đầu nói ngộ Viên thành là căn cứ thật chứng đắc, cùng Duy thức đồng. Ngộ hai tánh trước là căn cứ tương tợ ngộ. Thời gian lâu dài phần nhiều ý giải thích tư duy hai tánh trước, thời gian ngắn phần ít tuy cũng tương tợ ngộ nhập Viên thành, chẳng phải thời gian lâu dài nhiều phần cũng chẳng phải thân chứng, nên căn cứ thật mà nói. Nhiếp luận, văn kế tiếp nói ngộ nhập ba tánh tổng căn cứ ý thú tương tợ mà nói. Mở đầu quán tên gọi, sự chẳng thuộc nhau nên gọi là ngộ sở chấp, tiếp quán các pháp chỉ có thức lượng và giả danh v.v..., tuy chưa chứng thật, gọi là ngộ Y tha. Như thật trí vị tuy thật có tướng mà chưa chứng chân. Hai thủ đều mất cùng chân trí quán tương tợ hưởng vào, ý giải thích cũng cho là Chân như, nên thật trí vị, gọi là nhập Viên thành, thật chưa ngộ nhập. Nhiếp luận căn cứ tương tợ ý giải thích ba tánh riêng rõ ngộ nhập. Duy thức căn cứ chân thật, riêng chứng hai tánh, thông chứng sở chấp, tuy văn có khác mà chẳng trái nhau. Ngoài ra, các văn khác đều căn cứ giải thích này.

Nhiếp luận quyển 5 ghi: “Tám dụ, dụ Y tha”, tại sao không có nghĩa lúc biến kế chấp, hiển hiện rõ ràng tợ cảnh sở hành? Vì trừ nghi đây nói huyễn sự dụ, như thật không có tượng mà có huyễn tượng, cảnh



giới sở duyên, tánh Y tha khởi cũng lại như vậy. Tuy Vô sắc v.v... sáu xứ sở duyên, lúc biến kế chấp tự có sáu xứ sở duyên hiển hiện. Vô Tánh ở sau tự giải thích đây đối với sự bên trong sinh nghi. Các luận sư giải thích rằng, đây đối với thân sắc thanh hương v.v... bên trong mà sinh nghi hoặc nên gọi là huyền sự dụ. Bồ-tát Thiên Thân có hai chữ “lại nữa” để giải thích. Giải thích thứ hai cho rằng huyền dụ trong đây là trừ nhãn v.v... sáu loại xứ bên trong. Thí như huyền tượng tuy thật chẳng phải có mà hiện có thể được, điều này chuẩn cứ theo sắc v.v... sáu xứ pháp bên trong của Vô Tánh. Nhãn v.v... là sắc nên nói sắc v.v... Nói sắc v.v... sáu xứ lý cũng không ngại. Nếu chẳng như vậy cùng chỗ trừ thứ hai, có gì khác nhau? Xưa giải thích là: Thứ nhất là thể của trần, thứ hai là khí giới, nên hai thứ khác nhau. Lại như sóng nẩy vào lúc gió động, thật không có nước mà cảm giác như là có nước. Khí thể gian bên ngoài cũng lại như vậy. Lại như trong mộng ngủ say khởi lên tâm tâm sở tụ để cực thành muội lược, tuy không có nghĩa các thứ cảnh như nữ v.v... mà có cảnh giới thọ dụng như ái, chẳng phải ái; lúc tỉnh giấc cũng vậy. Lại như ảnh tượng trong gương trở lại thấy bản chất mà cho là nay ta riêng thấy ảnh tượng, mà ảnh tượng này thật chẳng có gì cả, chẳng phải đấng dẫn địa thiện ác tư nghiệp bản chất làm duyên, quả ảnh tượng sinh cũng lại như vậy, Duy thức gọi là ảnh tượng trong gương. Lại, thí như ánh sáng ảnh do lộng ảnh là vọng mạc che ánh sáng đó khởi các thứ ảnh, trong định địa v.v... các thứ thức đối với không thật nghĩa sai biệt mà chuyển. Lại như âm vang nơi hang hốc thật không có tiếng mà khiến người nghe tự nghe nhiều thứ cảnh giới ngôn thuyết, các thứ ngôn thuyết ngữ nghiệp cũng vậy. Lại như trăng trong nước, do nước trơn nhuần lắng trong, tuy không có trăng mà trăng có thể nắm bắt, duyên chỗ cảnh thật nghĩa huân tu nhuần trong làm tánh, ý của các Tam-ma-địa tương ứng cũng lại như vậy, tuy không có sở duyên cảnh giới thật nghĩa mà tự có chuyển. Đây cùng ảnh tượng thứ tư có gì khác nhau? Vì Định và Bất định địa mà có khác nhau. Lại như biến hóa nương biến hóa này gọi là biến hóa, tuy không có thật mà khéo hóa là không có điên đảo, đối với sự sở hóa thì có công dụng tạo tác. Bồ-tát cũng vậy, tuy không có Biến kế sở chấp hữu tình, nhưng đối với Y tha khởi các loại hữu tình là do xót thương mà đến nơi kia các chỗ sinh xứ nhiếp thọ tự thể. Vô Tánh giải thích rằng, nên biết trong đây dụ là có, chỗ hư vọng chấp sự, chỗ gọi là thọ dụng sai biệt trong ngoài, thân nghiệp, ngữ nghiệp, ba thứ ý nghiệp, chẳng phải Đấng dẫn địa. Hoặc Đấng dẫn địa, hoặc không có điên đảo, ở tám sự đây, chư Phật Thế Tôn nói tám thứ

dụ, những người có trí nghe điều nói đó, đối với hai nghĩa của Định địa và Bất định địa khéo hiểu rõ đích xác.

Trong đây, bên trong là dụ huyễn sự thứ nhất, bên ngoài là dụ sóng nắng thứ hai, thọ dụng sai biệt là dụ cảnh trong mộng thứ ba, thân nghiệp là dụ bóng ánh sáng thứ năm, ngữ nghiệp là dụ âm vang trong hang hốc thứ sáu. Trong ba thứ ý nghiệp, thứ nhất chẳng phải Đẳng dẫn địa, là dụ ảnh tượng thứ tư. Nếu Đẳng dẫn địa là dụ trắng trong nước thứ bảy, nếu không điên đảo là dụ biến hóa thứ tám.

Bồ-tát Thiên Thân dùng hai chữ “lại nữa” để giải thích. Chữ “lại nữa” thứ hai giải thích rằng: nói huyễn sự dụ là trừ nhân v.v... sáu xứ bên trong, nói sóng nắng dụ là trừ khí thế gian, nói sở mộng dụ là trừ cảnh thọ dụng như sắc v.v..., hiển bày như chỗ mộng sắc v.v... nhất định không có mà khéo làm nhân khởi thọ dụng sai biệt như ái, phi ái. Nói ảnh tượng dụ là trừ thân nghiệp quả, hiển bày thiện nghiệp bất thiện nghiệp làm duyên mà có các thứ sắc ảnh tượng v.v... sinh khởi. Nói âm vang hang hốc dụ là trừ ngữ nghiệp quả, hiển bày ngữ nghiệp nhân cảm ngữ nghiệp quả giống như âm vang trong hang hốc. Nói ánh sáng ảnh dụ là trừ phi Đẳng dẫn địa các ý nghiệp quả, hiển bày chỗ ý nghiệp đây được các quả, giống như ánh sáng ảnh, nói trắng trong nước dụ là trừ Đẳng dẫn địa các ý nghiệp quả, hiển bày Đẳng dẫn địa các ý nghiệp quả giống như trắng trong nước. Nói biến hóa dụ là trừ nghe chủng loại ý nghiệp, nghe chủng loại tức là chỗ huân tập của văn tư. Đây tức hiển bày nghe chủng loại ý sai biệt mà chuyển, giống như biến hóa. Ý đây là trừ thọ dụng sai biệt trong ngoài, thân ngữ nghiệp quả, ba thứ ý nghiệp, nên nói tám dụ, chẳng đồng với Vô Tánh. Kim Cương Bát-nhã ghi: “Tất cả pháp Hữu vi; như sao, che, đèn, huyễn; sương, bọt, mộng, chớp, mây; nên quán như vậy”. Trong đây có chín dụ, Bồ-tát Thiên Thân giải thích rằng, riêng dụ chín sự, đó là kiến, tướng, thức, khí, thân, thọ, quá khứ, hiện tại và vị lai nên nói chín dụ, mỗi mỗi nương vào nghĩa riêng. Chẳng thể kết hợp đồng nhau, giải thích bài tụng khác nhau. Luận Biện Trung Biên nói tám dụ, thông hai tánh Y tha và Sở chấp, tự dụ Y tha, thật dụ Sở chấp, cũng không trái nhau.

Ba tánh trong cảnh phàm thánh, trước sau bốn văn và nên thật nói hợp lại thành năm, như lý nên tư duy.

Nên tổng lập ba giải thích, đó là nên lập một Thật một Giả. Chân như thật vì đây là nghĩa thù thắng. Như quyển 100 ghi: “Ngoài ra, thế tục giả, hoặc chẳng đợi đây. Ngoài ra, như sắc thọ v.v... phải đợi đây. Ngoài ra giả như bình v.v... hoặc chẳng đợi danh ngôn thật, đó là tất cả

pháp đọi danh ngôn giả, đó là tất cả pháp”. Như Tạp Tập quyển 3 số giải thích.

Du-già quyển 60 giải thích về nghiệp, nghiệp đạo v.v... trái với Duy Thức quyển 1, nên xem xét.

-----

## QUYỂN 9

Hỏi: Ngu phu đối với Tăng ích kia vọng chấp là cũng có tà kiến bác bỏ không có, tạo sao chỉ nói Tăng ích?

Đáp: Vì nhiều phần, vì pháp môn chấp ngã hẳn Tăng ích. Nói có ba tánh ngăn Tồn giảm môn, nói ba vô tánh ngăn Tăng ích môn .

Y tha khởi không có tự nhiên sinh, tự nhiên có hai:

1. Không có nhân tự nhiên sinh, nêu đây nhiếp tất cả không có nhân.

2. Vì tự nhiên là nhân sinh, nêu đây nhiếp tất cả minh tánh v.v... chẳng bình đẳng nhân sinh.

Không có đây, không có nhân tự nhiên và không có bất bình đẳng nhân tự nhiên sinh, nên gọi là tự nhiên không sinh.

Trong y tha khởi cũng có không có nhân, ác nhân chẳng phải một hoành chấp, tại sao chỉ ngăn tự nhiên sinh?

Đáp: Tạm nêu tự nhiên, ngoài ra bất bình đẳng nhân đều thuộc ở đây. Đây nói ba, Vô Tánh phá các lỗi tăng ích khác. Ngoài ra, Tồn giảm môn chỗ ba tánh trái ngược nên chẳng phải phá không có nhân.

Tánh y tha khởi gọi là Thắng nghĩa vô tánh, văn luận chỉ nói hữu vô, chẳng phải tánh của thắng nghĩa, gọi là Thắng nghĩa vô tánh, cũng có thể là Thắng nghĩa, không có Biến kế sở chấp gọi là Thắng nghĩa vô tánh, đây là nghĩa sở hành của Hậu đắc trí. Như nói bốn Thắng nghĩa kia nhiếp, luận được không nói, nhưng lý thì có.

Trong Duy thức chỉ có hai đối, tại sao chẳng nói hai loại trước để làm hư vọng? Vì Vô lậu Hữu vi chẳng phải hư vọng. Tại sao chẳng nói hai loại trước để làm Thế tục đối thắng nghĩa? Như nói trong hai Thắng nghĩa, nghĩa trước cũng gọi là Tục. Nay căn cứ hữu thể gọi là Thế tục, vì nó không có thể. Lý thật cũng có, vì chuẩn cứ hai Đế. Trong đây, thật tánh chỉ lấy Chân như chỉ có môn Thường và Vô thường, chẳng nói môn Lậu và Vô lậu vì Vô lậu Hữu vi chẳng phải thật tánh.

Nhiếp luận nói bốn vị tu Duy thức, như chương Duy thức giải thích. Oai nghi, công xảo trong Lý thật cùng sở tri chướng pháp chấp cũng chung cùng, nay đứng về hành riêng lẻ nói chẳng phải oai nghi v.v... cũng không trái nhau. Căn cứ lúc thật chấp chẳng phải tâm kia là tâm kia v.v... mà chẳng khởi chấp.

Ba mươi bảy phẩm dùng chín pháp làm thể. Biến hành có một đó là hỷ thọ. Biệt cảnh có ba đó là niệm, định và tuệ. Thiện có bốn đó là tín, tinh tấn, xả và khinh an. Sắc pháp có một đó là đạo cộng vô biểu.

Hỷ có một, đó là hỷ giác chi. Niệm có bốn là căn, lực, giác, đạo, mỗi thứ có một. Định có tám là bốn thân túc; căn, lực, giác, đạo, mỗi thứ có một. Tuệ có chín là bốn niệm tru; căn, lực, giác, chi, mỗi thứ có một. Đạo có hai, đó là chánh kiến, chánh tư duy, vì tự trong tư duy là nương tuệ tâm. Phật quả chỉ có tuệ. Du-già quyển 57 ghi: “Ba mươi bảy phẩm cùng năm căn làm sao tương nhiếp? Đạo phẩm nhiếp căn, chẳng phải căn nhiếp đạo, đó là: ngữ, nghiệp, mạng, hỷ, an, xả cho nên chánh tư duy, thể của nó tức tuệ. Tín có hai đó là căn và lực. Tinh tấn có tám, đó là bốn chánh đoạn, trong căn lực giác đạo mỗi thứ có một. Xả có một, đó là xả giác chi. Khinh an có một, đó là an giác chi. Vô biểu có ba, đó là chánh ngữ, nghiệp và mạng, nên chín phẩm mở thành ba mươi bảy phẩm. Bốn nhiếp sự thí lấy vô tham và ba nghiệp làm thể. Ái ngữ lấy ngữ nghiệp làm thể. Lợi hành, đồng sự, ba nghiệp làm tánh, đó là vô tham và tư. Giả thật hòa hợp mà nói vậy. Bốn vô lượng lấy ba pháp làm thể, đó là vô sân, bất hại và xả. Hỷ lấy bất tật làm thể, thể tức vô sân, nên chỉ có ba pháp. Lục độ hợp lấy chín pháp hoặc mười một pháp làm thể. Biện hành có một, đó là tư. Biệt cảnh có bốn là dục, thắng giải, định, tuệ. Thiện có bốn là tín, tinh tấn, vô tham, vô sân. Thân nghiệp, ngữ nghiệp, biểu sắc, vô biểu sắc như thế mà biết. Từ đây trở xuống nói rộng đồng như phần Lục độ ở sau. Bốn thiện căn đã chỉ cõi Sắc năm địa, lại đối chiếu Vô sắc không có Vô lậu kiến đạo, nên là Hữu lậu tu, như đã nói ở trước.

Nhập Kiến đạo chỉ y thân nẻo thiện ở cõi Dục khởi, ngoài ra tâm tuệ nhằm chán chẳng phải thù thắng, là đây y sở tri chướng chung cùng có phiền não chướng đối trị, hoặc chỉ đoạn phiền não chướng, vào nghĩa Kiến đạo, chẳng phải y nghĩa chỉ đoạn sở tri chướng đối trị, vì cõi Dục kiến đạo phiền não có bất thiện, năm nẻo, bốn loài, tâm nhằm chán có thể vào Kiến đạo sâu. Cõi trên chẳng như vậy, nếu chỉ đoạn sở tri chướng, chẳng nhờ tâm nhằm chán sâu, chỉ cầu Bồ-đề chẳng vui thích giải thoát, cõi trên cũng được vậy, có Thanh văn ở cõi Sắc hồi tâm vào Kiến đạo v.v... đây gọi là trực vãng, kia nói là đến nhóm hợp, cũng không trái nhau.

Quyển 73 giải thích vô tướng chọn hữu tâm sở có mười lần giải thích, nên xem văn đó. Hỏi: Nếu thừa nhận trí Vô phân biệt có kiến không có tướng, như Tự chứng phần, sao chẳng tức duyên tự chứng? Nếu vì trong ngoài thủ nên chẳng được, đã vậy, nên thành chỗ Tướng phần nhiếp, tức Tự chứng phần nên chẳng thành Tướng phần, tức tự chứng nên duyên tự chứng. Nếu vì tướng tánh riêng biệt nên chẳng

được duyên là tướng tánh riêng biệt nên Tướng phần duyên, nó không tướng nên chẳng thể làm so sánh. Lại, lẽ ra Vô phân biệt nên gọi là không thể chọn thật có Tướng phần, lẽ ra Vô phân biệt nên gọi là không có thật tướng, có Tướng phần. Tướng tức là tướng trạng, trạng mạo, không có tướng trạng này thì pháp của thể tướng chẳng phải là không có thể của cảnh. Vì tướng sai biệt của vô phân biệt nên gọi là không có Tướng phần. Nói Kiến phần thông cả phi phân biệt, nên trí kia có.

Kiến đạo, hai sư nói Thắng tấn đạo duyên gì làm cảnh? Tức duyên cảnh của Giải thoát đạo, lại không có hành tướng riêng, nghĩa này nên tư duy. Có nghĩa tiệm là, y sở dùng ba tâm làm tiệm. Quyển 59 ghi: “Ba tâm là đốn”, chuẩn cứ văn đây giải thích, đốn thông một tâm, ba tâm. Các giải thích tiệm như Biệt sao nhiều ít dẫn riêng.

Ba tâm phân thô tế như Biệt sao quyển 1 giải thích. Kiến đạo của Đại thừa là chỉ an lập, cũng có một tâm chẳng phải an lập, có hai thuyết; hoặc có hoặc không. Ba tâm Kiến đạo Nhị thừa đó là chỉ đoạn nhân chấp, chỉ y hai tâm, chẳng phải an lập cũng không ngăn ngại. Hai loại mười sáu tâm, Đế cảnh trên dưới tạo tác trước, mười sáu tâm trước tạo tác sau. Trước quán sơ sự, sau quán kỹ lý. Lại, các giáo chỉ nói Đạo loại trí gọi là đã biết căn, vì kiến lập quả Dự lưu. Nay lấy tướng thô hiển, do đó trước nói quán trí, sau nói hiện tiền, chẳng hiện tiền, y thân cội Dục nhập hiện quán. Luận sư đối với phi Sắc giới nhập hiện quán cũng vậy. Họ nói cội trên cội dưới riêng biệt. Mười sáu tâm đây, Độc giác Thánh giả tại sao chẳng nói? Vì hành vi chẳng ra khỏi quán, tâm đây chưa mãn, tuy đến tâm thứ mười sáu vẫn chẳng gọi là quả thứ ba. Nếu chẳng phải tướng đoạn chín phẩm chướng, vô gián, giải thoát, sát-na, tư duy đó có thể biết. Nếu chẳng tạo tác tướng Kiến đạo này thì có ý gì? Ý đó nên tư duy.

Ba thứ hiện quán hãy xem trong phần Sao. Thánh tánh, có giải thích lấy chung tất cả năng sinh hiện hành chủng tử Vô lậu, chẳng đồng dị sinh tánh, vì nó khéo phát nghiệp chiêu sinh phẩm loại, chỉ có Kiến đạo. Từ Địa thứ tám trở lên, Bồ-tát chẳng sinh cội Dục, tại sao chẳng gọi là Bất hoàn? Lại có tánh bất định vì muốn trở lại sinh cội Dục, Bồ-tát đốn ngộ trở lại cội Dục làm việc lợi sinh.

Đối Pháp quyển 13 nói mười hiện quán gồm:

1. Pháp hiện quán, tối thắng thuận giải thoát phần chỗ thiện căn nhiếp thanh tịnh thắng giải. Nếu chuẩn cứ Du-già nói sáu hiện quán, chỉ có thủ hỷ thọ tương ứng tư sở thành tuệ. Nếu chuẩn cứ luận Hiển Dương nói mười tám hiện quán, thông văn tư tu, ba tuệ tối thắng. Nhưng Đối

Pháp giải thích nghĩa hiện quán, tức ở như chỗ trên nói trong pháp. Như lý tác ý tăng thượng duyên lực, nên biết pháp quán cũng tức tư tuệ, vì như lý tác ý, nay theo Duy thức chỉ lấy tư.

2. Nghĩa hiện quán, tức tối thắng thuận quyết trạch phần Noãn làm hạ phẩm, Đảnh Nhãn làm trung phẩm, Thế đệ nhất pháp làm thượng phẩm.

3. Chân hiện quán, nghĩa là Kiến đạo.

4. Hậu hiện quán, nghĩa là Tu đạo. Hai đây chung, Duy thức riêng, Duy thức đứng về an lập và phi an lập riêng biệt. Đối pháp đứng về đạo vị riêng biệt cũng chẳng trái nhau.

5. Bảo hiện quán, tức tín hiện quán, được bốn tín chẳng hoại, chẳng riêng lấy vô tướng. Du-già v.v... rộng, vì thông Hữu lậu, hoặc khéo vượt ác. Đối pháp chỉ nói tên bảo. Duy thức lấy chung tất cả tín.

6. Chẳng hành hiện quán, nghĩa là giới khéo ngăn phạm giới, chẳng phải chẳng hành.

7. Cứu cánh hiện quán, đồng Duy thức.

8. Thanh văn.

9. Độc giác.

10. Bồ-tát.

Ba loại này đứng về năng chứng thừa riêng biệt. Duy thức chỉ đứng về sở chứng, hành rõ rộng gọi là hiện quán. Do đó, trừ Quyết trạch phần, chẳng đứng về nhân làm luận, do đó không có ba Thừa. Đối Pháp chẳng đứng về rộng lược, chỉ rõ minh liễu thân đặc, gọi là hiện quán. Đứng về nhân và pháp làm luận, do đó có mười sáu, chẳng trái nhau. Luận Hiển Dương quyển 17 ghi: “Sáu và mười tám”, sáu thì đồng luận đây, còn mười tám gồm:

1. Văn.

2. Tư.

3. Tu.

4. Quyết trạch phần trí.

5. Kiến đạo.

6. Tu đạo.

7. Cứu cánh đạo.

8. Bất thiện thanh tịnh thế tục trí.

9. Thiện thanh tịnh thế tục trí.

10. Thắng nghĩa trí.

11. Bất thiện thanh tịnh hữu phân biệt trí.

12. Thiện thanh tịnh hạnh hữu phân biệt trí.

13. Thiện thanh tịnh hạnh vô phân biệt trí.
14. Thành sở tác gia hạnh trí.
15. Thành sở tác trí.
16. Thành sở tác hậu trí
17. Thanh văn v.v... trí
18. Bồ-tát v.v... trí hiện quán.

Trong mười tám hiện quán này chia làm năm vị. Bảy thứ đầu đứng về năm đạo để nói rõ hiện quán. Hai loại tiếp theo, y chân tục trí để nói rõ hiện quán. Ba loại tiếp theo, y Hữu lậu Vô lậu có phân biệt và không phân biệt để nói rõ hiện quán; Ba loại tiếp theo, y ba trí gia hạnh, căn bản và hậu đắc để rõ hiện quán, sau cùng hai, y thượng thừa và hạ thừa để nói rõ hiện quán. Nhưng đây chỉ nói rõ tuệ quán. Quán sát các pháp nên chẳng lấy tín và giới, nhưng Giải thoát phần trí có định, tán khác nhau. Ba tuệ loại khác nên phân ba thứ. Trong chân tục trí, Hữu lậu chỉ có thể tục, Vô lậu thông cả hai, nên hợp phân ba thứ, trong có phân biệt và không phân biệt cũng có Hữu lậu Vô lậu riêng biệt, Vô lậu thông cả hai, Hữu lậu chỉ có phân biệt. Y ba nghiệp hành để hiển trí riêng khác. Trong đây, Thành sở tác chẳng phải Thành sở tác trí trong bốn trí, mà chính là vốn mong Sở tác trí. Gia hạnh, chánh thể, hậu đắc, như các Vô lậu trí thượng thừa hạ thừa nhân quả đều luận chung, nên chỉ có hai thứ. Duy thức nói sáu hiện quán, Đối Pháp nói mười hiện quán cũng không trái nhau. Nhiếp luận quyển 6 nói mười một thứ hiện quán sai biệt, tức đồng Đối Pháp quyển 13. Thanh văn, Bồ-tát hiện quán sai biệt có mười hai loại, lại không có loại khác.

Trong Kiến lập sáu độ, ba tướng sáu độ, nên hỗ tương nhiếp nhau. Sáu độ lấy tám pháp làm thể, tức là Vô tham, thân nghiệp sắc, ngữ nghiệp thanh, ý nghiệp tư, vô sân, tinh tấn, tuệ và định. Hoặc mười một, tức là thêm dục, thắng giải, tín. Biến hành có một là tư. Biệt cảnh có bốn là Dục, giải, định, tuệ. Thiện có bốn là Tín, cần, vô tham và vô sân. Sắc pháp có hai là thân và ngữ nghiệp. Hành tướng ba cõi chín Địa. Địa tiền, Địa thượng mỗi mỗi hành tướng thuần bốn câu, mỗi mỗi tự làm sáu độ, cùng mong nhau làm bốn câu, gọi là tạp. Y chủng loại phước có bốn câu, chẳng y câu có không. Sáu độ, năm quả, nên mỗi thứ chẳng đồng.

Dị sinh tánh chương tức phân biệt chương chủng. Ba cõi đủ có tên vì sao lại Dị sinh? Nếu lấy năng sinh có lìa hạ nhiễm, trên dưới khác nhau, nhiễm pháp đều khởi. Tên tại sao là Dị sinh? Nếu lấy y địa này thì Thức thức tám có nên được tên Địa đây, nên tự Thức thứ tám gọi là Dị sinh. Sao phải chương chủng? Nếu chẳng như vậy, Bồ-tát Thập địa,



Địa này Thức thứ tám chưa đoạn, nên thành Dị sinh. Do đây nên biết, y Địa này, Thức thứ tám phân biệt hai chướng ngại chủng lập. Tánh chỉ nhiệm ô, thuộc về tánh Hữu phú. Thể của hai chướng nhất định, mong hai chướng cũng vậy, nên tư duy.

Quả nẻo ác đó chẳng phải pháp nhiệm ô, tại sao Kiến đạo nói chẳng đoạn? Vì như diệt không còn thừa.

Địa thứ hai gọi là Ly cấu, không nhằm chấp phạm ba nghiệp. Sơ địa nhằm phạm, còn phải tư duy chọn lựa. Địa này chẳng như vậy, như lúc bò đi, trùng tự phân đường, mặc tình chẳng bị tổn thương, nên không nhằm phạm. Sơ địa chẳng như vậy, do có nhằm phạm. Tại sao mười chướng chỉ gọi là tà hạnh? Hai ngu gồm nói nhằm phạm ba nghiệp, là căn bản, nó cũng thuộc về tà hạnh. Giải thích thứ hai cho rằng, hoặc chỉ khởi nghiệp, chẳng rõ nghiệp ngu, tức thuộc về tà hạnh.

Địa thứ ba ám năng chướng, đối với pháp văn tư tu quên mất, tại sao Sơ địa gọi là đã được Bất thoái, đây còn quên ư? Lại, Bồ-tát địa giải thích: “Thắng giải hạnh vị đối với điều làm, điều tư duy, pháp sơ thuyết đã lâu có lúc quên mất”. Nhập Địa thì không như vậy, tại sao nay nói có quên mất? Chỗ định vị đắc, phần nhiều quên mất, hàng Địa tiền còn có, hàng Địa thượng đều không, gọi là chứng Bất thoái. Chỗ văn tư tu đó đắc, còn ít có lùi quên, chẳng phải nhiều. Lại, chỗ Vô lậu đắc không quên, chỗ Hữu lậu đắc cảnh ba tuệ còn quên, cũng chẳng trái nhau, ba định thành không, nên lẽ ra không phải là Bất thoái. Tại sao các Địa trong mười chướng đều nêu phần ít, chỉ có Địa thứ hai, thứ ba, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy, thứ tám, thứ chín, thứ mười, thứ mười một, chướng nhiếp hai ngu đều hết, vì nhiếp pháp hết. Chỉ bốn Địa đầu có chung có riêng. Sơ địa, Dị sinh tánh là gốc, nẻo ác ngu là ngọn. Đây theo giải thích trước, nếu theo giải thích sau, tức tổng nhiếp hết, nên không cần phải nói. Địa thứ tư chướng thân kiến v.v... không nằm trong hai ngu. Hai ngu chẳng nói là mười chướng là có ý gì? Đáp: Hai ngu căn cứ nhân, chỗ Địa tiền khởi ngôn thuyết cùng với loại sau làm chướng. Thân kiến v.v... căn cứ chỗ hành lâu xa, gọi là mười chướng. Lại mười chướng căn cứ nhân nói, thân kiến v.v... khéo khởi các phiền não chướng. Hai loại sau làm quả chánh cho năng chướng nên nói là hai ngu, nghĩa này cũng không trái nhau.

Tại sao chín Địa chướng? Ba Vô ngại giải là một chướng, ngoài ra một Vô ngại giải làm một chướng là có ý gì? Cần phải thông đạt ba loại trước mới biện luận được. Trước, sau, nặng, nhẹ, khai hợp chẳng đồng. Địa thứ mười chướng thân thông là một, Trí vân và Sở tàng là một, vì

đức bên trong và nghiệp bên ngoài khác nhau.

Tại sao các Địa khác, chương đều có hai ngu, chỉ có Địa thứ tư chương chẳng tức là hai ngu? Dị sinh đã chẳng đoạn thô trọng, tại sao hai Tĩnh lự đoạn khổ căn thô trọng? Nhị thừa cũng như vậy, nay giải thích phàm phu chiết phục phần nhỏ hiện hành thô trọng. Nhị thừa cũng có thể diệt được phần ít chủng tử, khổ căn thô trọng trong định chương, nghĩa này cũng không ngăn ngại, như lý nên tư duy.

-----

## QUYỂN 10

Nên nói ba Thừa đoạn kiến, tu khác nhau. Thức thứ bảy trong đốn đoạn mặc tình chọn lựa Kiến đạo, tất cả bên trong khởi chọn Tu đạo, bên ngoài duyên sự Độc đầu tham sân si v.v... vì hai nghĩa này nên không có thô tế. Nói không có thô tế, chọn lựa Tu đạo trong ngoài duyên mê lý, thân kiến biên kiến và đây tương ứng. Chín địa đoạn vì có thô tế, như vậy tổng chọn lựa hết tất cả hoặc.

Trong phần Bồ-tát dùng phiền não trợ nguyện thọ sinh, chỉ dùng thế lực hiện hành xa giúp, chẳng phải như nhuận sinh ái v.v... như Hoặc của hành sát sinh, tham, sân v.v... mới được lợi lạc, chưa được Vô lậu thắng đạo lợi sinh, cho nên dùng tham sân dẫn Vô lậu đạo, năng lợi ban đầu, gọi là trợ nguyện, chẳng phải như tham v.v... nhuận sinh dụng đó. Do đây nên làm bốn câu phân biệt, chỉ có hiện hành nhuận chẳng phải chủng tử, nghĩa là Bồ-tát từ Địa thứ bảy trở về trước. Chỉ có chủng tử nhuận chẳng phải hiện hành, đó là quả thứ ba. Có đồng thời nhuận, đó là tất cả chúng sinh. Có đồng thời chẳng phải nhuận, đó là biến dịch và hóa thân v.v...

Câu sinh Địa tiền chiết phục dần dần, hàng Địa thượng chiết phục hết. Đây y sáu thức làm luận. Tại sao Kiến sở đoạn phiền não tùy chỗ biết phục và chẳng phục? Câu sinh phiền não chỉ có nhập Địa mới chiết phục, chẳng tùy chỗ biết. Chỗ biết phục sau, phiền não phục trước. Kiến sở đoạn thì không như vậy, kiến chương lợi nên đồng thời, tu chương ngại độn nên dần theo thứ lớp. Lại Kiến đạo mạnh, Tu đạo chẳng như vậy, nên lưu lại phiền não vốn nghĩ nhuận sinh. Từ Địa thứ tám trở đi không có Phần đoạn tử, chẳng gá phiền não trợ nhuận, tức phục mà thọ biến dịch, tại sao chẳng đoạn?

Đáp: Như Sơ địa khiếp sợ phiền não, tức phục mà thọ biến dịch, cũng như Nhị thừa hữu học hồi tâm tức thọ biến dịch, tuy không có Phần đoạn, chẳng đoạn phiền não, tại sao như vậy? Phiền não tuy chẳng phải thân gần trợ nhuận biến dịch, như phần đoạn sinh, thế xa cũng có. Lại, hoặc chủng tại biến dịch thời gian dài, chẳng mượn thường trợ giúp. Nếu không có Hoặc chủng biến dịch thời gian ngắn, như Nhị thừa vô học phải luôn luôn trợ giúp. Nhưng có bốn câu, chỉ có định thắng không có hoặc trợ, cũng chẳng có thời gian dài thọ biến dịch, như Nhị thừa vô học hồi tâm, tuy có hoặc chủng trợ mà không có thắng định giúp, cũng chẳng có thời gian dài. Như Nhị thừa hữu học hồi tâm, có hoặc trợ và thắng định trợ giúp, tức biến dịch thời gian dài thọ, như Bồ-tát Thập địa

cho nên nguyện lưu lại đó, chẳng đồng Nhị thừa đoạn dứt, chẳng được chẳng phải cho nên lưu lại. Lại, Nhị thừa chỉ có chủng tử trợ, chẳng do nguyện giúp, mà chẳng gọi là lưu lại. Bồ-tát chánh do nguyện giúp, bên cạnh do chủng tử trợ giúp, nên nói lưu lại đó, nếu tức đoạn đó ở sinh không có lực, nhân của Hoặc mất quả tùy theo đó cũng hết. Lại do Bồ-tát ý vui thích Bồ-đề, Thập địa luyện căn chẳng nhờ đoạn phiền não, phiền não hiện tại chẳng chướng ngại việc đắc Địa, nên gọi là lưu lại.

Kiến đạo đốn đoạn, quyển 59 ghi: “Ba tâm cũng gọi là đốn, nhưng sở tri chướng và phiền não chướng, mỗi phân làm hai. Thế nào là hai? Nếu do chín phẩm, thô phẩm đoạn trước, tức mười địa Tu đạo nên trước đoạn thô, nếu do tùy sở chướng đạo để biện rõ thô tế, chín địa chẳng định, tức phiền não phẩm. Thế nào là tùy sở tri để rõ thô tế? Nghĩa này nên tư duy. Nay giải thích là, như mười địa Tu đạo, chỗ đoạn của mỗi địa, trước là thô, sau là tế. Phiền não tùy kia để nói thô tế, đây cũng nên vậy. Trong Kiến đạo tự phân biệt lực thô đoạn trước. Tha dẫn lực tế đoạn sau, có trước phục phiền não vượt quả thứ hai thứ ba, không phục sở tri chướng mà vượt vào hai địa, nhưng vào địa rồi, như nghe nửa bài tụng để xả thân cũng có vượt là, nhưng không vượt đại kiếp, vì rất khó đoạn v.v... vậy, nghĩa này nên tư duy.

Trong một loại Nhị thừa ba cõi chín Địa mỗi phẩm đoạn riêng, có hai nghĩa: một là thiếu không có người vượt qua; hai là trong đây gồm hết. Đạo đời trước cũng chín phẩm, sau chẳng phục cũng có chín phẩm. Bồ-tát lợi căn Kiến đạo đã thừa nhận phân làm ba. Nhị thừa căn độn Kiến đạo lẽ ra có ba phẩm, tại sao kia chỉ có một, đây có ba? Bồ-tát hai chướng làm ba, Nhị thừa một chướng làm hai, vì phân ra thô tế.

Quyển 69 nói trước có Thắng tấn tức sau có Gia hạnh, chỗ sau có đạo tức Thắng tấn trước, văn đồng với Đối Pháp. Bốn đạo dùng các môn phân biệt tác dụng có hai giải thích.

Trong tổn lực ích năng chuyển, có sám hối tội diệt, lẽ ra phải thuật. Quyển 60 nói nghiệp có bốn thứ đó là: Dị thực quyết định thời quyết định, hai chung cùng bất định, hai chung cùng định và A-la-hán thọ tàn khổ v.v... và vua A-xà-thế diệt được nghiệp ngũ nghịch. Du-già ghi: “Người nương chưa giải thoát kiến lập định nghiệp” là hai giải thích, hòa hợp nên biết.

Bốn trí, như Phật Địa giải thích, mỗi thứ có mười dụ, nên xem văn đó.

Hữu lậu từng tập cùng chấp chỗ dẫn v.v... nay quán ý đây, Hữu lậu quán tâm do cùng chung Hoặc của Thức thứ bảy trước cùng chấp

thế lực sở dẫn, mới thuận ở chướng chẳng đoạn Tùy miên, Vô lậu thì không như vậy.

Mới đầu có nghĩa Vô phân biệt trí thân chứng hai Không có thể đoạn Tùy miên, như quyển 64 ghi: “Nếu An lập đế đã lập làm Đế thì đâu cần phải nói Phi an lập? Đáp: Do An lập đế chọn đối với có tướng, vì có tướng nên tướng trói buộc chưa thoát, tướng trói buộc chưa thoát, nên đối với thô trọng trói buộc cũng chưa có thể đoạn. Do đây, nên biết chỉ có Vô phân biệt trí đoạn các Tùy miên. Thứ hai, có nghĩa Hậu đắc vô phân biệt trí đoạn mê sự Tùy miên, như văn trước giải thích, trước căn cứ đoạn mê lý Tùy miên chẳng phải đoạn mê sự. Lại, trước đứng về đoạn rốt ráo tất cả thô trọng, chẳng phải trong nhân vị đoạn hai chướng chướng mà nói. Lại, trước đứng về Hữu lậu an lập và Vô lậu An lập đế, chẳng phải Hậu đắc duyên phi An lập, vì cũng không phân biệt tướng, tức luận kia ghi: “Nếu chẳng cần duyên phi An lập là có định tâm cực tịnh thuận Quyết trạch phần lúc chuyển duyên các Đế, nên đoạn Tùy miên kia đã chẳng như vậy, nên chỉ chọn lựa Hữu lậu v.v... chẳng phải là tận lý, không phải là quả”. Hãy tìm đọc trong văn đó.

Trong sơ nói chỉ có Nhị thừa dùng nó chứ chẳng phải Bồ-tát, nay giải thích Bồ-tát cùng dùng trí này. Trong mười Địa, chẳng phải niệm niệm chỉ đoạn pháp chấp, cũng có lúc đoạn riêng pháp chấp sở tri chướng. Sự trước giải thích thế và xuất thế đoạn đạo trong Tu đạo là, đây y Bồ-tát Tu đạo chỉ dùng Vô phân biệt trí, gọi là thế xuất thế đạo, có chân tục hợp dùng trí đoạn. Như nêu thù thắng nghĩa là người hạ hạ Địa đoạn chướng, tuy chẳng do tục nhưng hẳn cùng chung thời. Nếu chẳng như vậy thì lẽ đâu Thắng địa sau chỉ có Vô phân biệt trí, chẳng cùng Hậu đắc đồng thời mới đoạn hoặc ư? Mới đầu, chỉ có xuất thế đoạn đạo thông ba Thừa, sau gồm Bồ-tát nên làm thuyết đó. Hai lý giáo ngang bằng, mặc tình lấy bỏ.

Thế Đại Niết-bàn có hai nghĩa: một là lý, hai là sự, tức ở Chân như có ba nghĩa: Ma-ha Bát-nhã, Giải thoát và Pháp thân. Hai thế ba sự, ba thế mỗi loại riêng biệt, hợp chung gọi là Đại Niết-bàn.

Mười địa chẳng khởi năm thức Vô lậu. Tỷ lượng rằng, năm căn Hữu lậu trong mười Địa hẳn chẳng có thể phát năm thức Vô lậu, Hữu lậu chẳng chung cùng ắt chung cùng đồng chỗ căn cảnh nhiếp, như vị của Địa tiền.

Nói thường, lạc, ngã, tịnh v.v... để trừ bốn tâm điên đảo của Nhị thừa. Nhị thừa chánh chứng pháp tánh đây là chẳng phải làm giải thích thường và vô thường v.v... do tâm Gia hạnh làm giải thích vô thường

v.v... đây thể nhập. Sau, lúc xuất quán lại quán quán trước, chẳng xét sở duyên bên thấy gia hạnh, cho rằng chỗ chân trí đó duyên cũng là vô thường, bên cho các pháp chân thật vô thường. Các tâm gia hạnh và Hữu lậu hậu đắc tuy chẳng phải là chấp tánh đều là thiện, nhưng do Thức thứ sáu, thứ bảy pháp chấp chưa mất, dẫn thiện tâm Hữu lậu mà làm giải thích đây. Đối với quả của pháp sở chấp dẫn Hữu lậu quán tâm, nói năng dẫn pháp chấp chướng là điên đảo. Nếu lúc không có pháp chấp thì quán này chẳng sinh, nên do phạm vị trước khởi bốn điên đảo, hoặc mười hai đảo, đó là tướng, tâm, kiến v.v... chấp thân v.v... là tịnh, Phật vì trừ chấp đó nên nói hành vô thường v.v... là chẳng phải thường v.v... khiến họ chứng đắc. Luận chân lý đó chẳng phải thường, vô thường, nhưng Nhị thừa là tùy Phật phương tiện nói và pháp chấp dẫn làm giải thích vô thường v.v... Nay vì trừ khiến họ chứng cực quả, nói Chân như đây là thường, ngã v.v... khiến họ khởi hành phương tiện này hướng vào chứng pháp đó. Chánh lúc chứng nó chẳng thường, vô thường, chư Phật hoặc nói ngã, hoặc có lúc nói vô ngã. Trong các pháp thật tướng, vô ngã không gì chẳng phải ngã, ngoài ra đều như vậy. Đây y các pháp chỉ có Thức thứ sáu, thứ bảy có nhiễm tâm có chấp làm luận. Từ Địa thứ tám trở về trước, khởi bát Niết-bàn chướng, tế sinh diệt v.v... chướng của Thừa sau, đều chuẩn cứ giải thích như đây. Từ Địa thứ tám trở đi chẳng luận hiện hành, quán tâm làm chướng.

Luận sư An Tuệ nói Vô lậu, tất cả Hữu lậu trong nhân đều có pháp chấp. Nói Nhị thừa tâm Vô lậu v.v... bốn điên đảo, từ Địa thứ tám trở về trước nói công dụng gia hạnh là chướng. Nếu không như vậy thì Gia hạnh đạo lẽ ra chẳng phải thuộc về hai ngu. Do đây, tất cả thiện tâm Hữu lậu và nhân Vô lậu đều có pháp chấp, nay luận chân lý chẳng phải thường, vô thường là đoạn pháp chấp vô thường mà nói là thường, lạc v.v... chỗ các thiện y. Hiện tánh không tham sân si v.v... các thứ phiền não, nhân đó làm thiện, năng thuận các thiện cùng thiện làm y nên gọi là đủ công đức.

Nói Pháp thân chánh tự lợi, hiển bày chẳng đồng thuyết lợi tha mà triển chuyển nói. Tự thọ dụng thân đó tu nhân, vốn vì lợi tha nên tu, lại là chỗ lợi tha y chỉ nên chẳng nói. Đối tha thọ dụng v.v... nghĩa tự lợi nhỏ nhiệm, do đó chẳng nói, lý cũng không ngăn ngại.

Tha thọ dụng biến hóa, tại sao chẳng nói tự lợi? Chư Phật lợi tha, tức tự lợi, lý cũng nên như vậy. Ý cho rằng lợi tha biến hiện sinh, từ ý lạc nói là lợi tha. Tư lương vị trước gọi là tất cả công đức đều thuộc hai lợi, tùy lực ý lạc, nay đây tùy tăng thượng, nên ba thân khác nhau.

Tự thọ dụng thân như Tịnh độ thân lượng khắp pháp giới là phải làm hai giải thích: một là Thật như vậy, hai là Y dụng nói vì trí là Phật, do sở chứng vô biên, như thế gian nói chỗ thấy ở cao nói là lỗ mắt lớn, sở học rộng nên nói trí tuệ lớn.

Trong môn Bốn trí duyên cảnh, tự thọ dụng độ, chỉ có tịnh Vô lậu, ngoài ra chẳng thấy vậy, chỉ chỗ Phật biết. Tha thọ dụng độ vốn chỉ có Vô lậu, tịnh, những gì được thấy chỉ là tịnh, vì tất cả bất thiện, các quả Di thực đều đã không có, nhưng thông Hữu lậu Vô lậu. Thức thứ tám, năm Thức quán Hữu lậu, người thấy là ở uế độ, lợi lạc hữu tình cũng là hiện uế, thấy cũng thông uế, thông các thức cảnh. Hóa độ vốn chỉ có Vô lậu, nhưng có tịnh uế, thấy cũng vậy thông cả Hữu lậu, Vô lậu nhưng có tịnh uế. Bồ-tát Thập địa cũng được thấy vậy, vì trên biết dưới. Nhưng do vốn là Bồ-tát Thập địa hiện Tịnh độ, luận nói Hóa độ có nói tịnh đó. Hóa độ vốn là chỗ thấy của hàng Địa tiền v.v... chẳng riêng nói tịnh. Tổng nói thấy thân độ mỗi căn cứ tăng thắng mà nói, cũng không trái nhau vì dưới chẳng thấy trên. Hàng Địa tiền và Nhị thừa hẳn không thấy Tịnh độ Vô lậu.

Trong đây, các độ đều có cảnh bốn trí, do tùy tăng thắng, vốn kích phát nhân nói trí riêng hiện. Nếu chẳng như vậy thì liền có lỗi chẳng phải biến trí. Nếu năm uẩn của Phật thừa nhận là uẩn v.v... thân, tại sao chẳng thừa nhận Phật là thuộc về hữu tình? Hữu tình y Di thực, Phật chẳng phải hữu tình, tánh nhiếp trì gọi là pháp, Phật có thể là pháp thân nhiếp.

Giải thích nghĩa thuận tạp do tăng kém chẳng đồng, chỉ y Tướng phần thân gần mà nói. Nếu y ảnh, chất, lại nói chẳng đồng. Tự địa trong ảnh biến thuận, sức thần thông dẫn tạp, chẳng phải tám duyên hiện thuận trong sức thần thông, duyên chủng tạp. Trong Thức thứ bảy gọi là ảnh thuận tạp, vì ảnh từ kiến, chất mà nói tánh. Năm thức tâm thiện ác tạp, tâm Vô ký thuận. Thức thứ sáu, thứ năm chung cùng đều thông. Pháp nên tư duy chuẩn cứ. Trong giả thật đứng về thức phân biệt lại riêng biệt, có không đối nhau, Hữu vi Vô vi đối nhau, Hữu lậu Vô lậu đối nhau, Tự giới tha giới duyên đối nhau, Tư duy chuẩn cứ thuận tạp.

